

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Phạm Thị Diệu Hiền

**QUYỀN ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG
NHÂN DÂN CÁC CẤP TỪ THỰC TIỄN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, năm 2018

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Phạm Thị Diệu Hiền

**QUYỀN ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG
NHÂN DÂN CÁC CẤP TỪ THỰC TIỄN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật hành chính

Mã số: 8380102

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
TS. NGUYỄN VĂN THUẬN

HÀ NỘI, năm 2018

LỜI CẢM ƠN

Qua hai năm theo học tại Khoa Luật, Học viện Khoa học xã hội (thuộc Viện Hàn Lâm khoa học và xã hội Việt Nam), tôi đã nhận được nhiều sự giúp đỡ tận tình của các Thầy Cô trong ban đại diện, ban học vụ của học viện tại cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, tôi cũng đã nhận được những kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn quý báu của các Thầy Cô truyền dạy. Tôi vô cùng may mắn và biết ơn các Thầy Cô.

Đặc biệt, trong quá trình làm luận văn tôi đã có được sự hướng dẫn tận tâm, nhiệt tình, khoa học và đầy trách nhiệm của **Tiến sĩ Nguyễn Văn Thuận**. Tôi xin gửi lời tri ân đến Thầy.

Do kiến thức còn hạn hẹp, luận văn này chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Tôi rất mong nhận được sự phê bình và góp ý của các Thầy Cô, bạn học cùng khóa.

Xin chân thành cảm ơn.

Tác giả luận văn

Phạm Thị Diệu Hiền

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ VỀ QUYỀN ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP	8
1.1. Khái niệm, bản chất quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.....	8
1.2. Điều kiện trở thành ứng cử viên	27
1.3. Các yếu tố tác động đến việc thực hiện quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tại Việt Nam	33
Chương 2: THỰC TRẠNG QUYỀN ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	38
2.1. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội của Thành Phố Hồ Chí Minh.....	38
2.2. Thực tiễn việc thực hiện quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân từ năm 2011 cho đến nay tại Thành Phố Hồ Chí Minh	39
2.3. Thuận lợi và hạn chế trong việc thực hiện quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân tại Thành Phố Hồ Chí Minh	47
Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUYỀN ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP	59
3.1. Nhu cầu đảm bảo quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân ở nước ta	59
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.....	63
KẾT LUẬN	79
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐBQH	:	Đại biểu Quốc hội
GDP	:	Tổng sản phẩm quốc nội (Gross Domestic Product)
HĐND	:	Hội đồng nhân dân
LHQ	:	Liên hiệp quốc
MTTQ	:	Mặt trận Tổ quốc
TPHCM	:	Thành phố Hồ Chí Minh
UBTVQH	:	Ủy ban thường vụ Quốc hội
XHCN	:	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Bảng so sánh số lượng người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XIV tại tỉnh Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh	57
Bảng 2.2. Bảng thống kê số lượng người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và khóa XIV tại Thành phố Hồ Chí Minh	58

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Dân chủ có nguồn gốc từ thời Hy Lạp cổ đại. Thuật ngữ này xuất hiện đầu tiên tại Aten, Hy Lạp trong thế kỷ thứ 5 trước công nguyên với ý nghĩa là "quyền lực của nhân dân" (demos có nghĩa là nhân dân, kratos có nghĩa là quyền lực) [32] nhằm để chỉ hệ thống chính trị tồn tại ở một số thành bang của Hy Lạp. Tuy nhiên, trong cách sử dụng hiện nay, từ "dân chủ" thường chỉ đến một chính phủ được người dân lựa chọn, không cần biết bằng cách trực tiếp hay gián tiếp. Có thể nói, dân chủ ở một khía cạnh nhất định được xem là hệ thống cơ quan nhà nước hoặc một loại cơ quan nhà nước được thành lập và mang tính chính danh thông qua bầu cử. Việc bầu cử, tự nó, không phải là một điều kiện đủ cho nền dân chủ ra đời và tồn tại. Dân chủ hay không dân chủ hoặc dân chủ ở mức độ nào còn tùy thuộc vào thể chế chính trị, tình hình xã hội của từng quốc gia, ý thức chính trị của người dân và sự khai phóng dân trí của nhà cầm quyền, Việt Nam, cũng không nằm ngoài những đặc điểm cơ bản đó.

Bầu cử dân chủ là một trong các nguyên tắc cốt lõi của một nền dân chủ bên cạnh các nguyên tắc như tổ chức chính quyền theo hiến pháp, ngành tư pháp độc lập, vai trò của tự do truyền thông, quyền được biết (thông tin) của người dân... Vì thế, chế độ bầu cử ở các quốc gia khác nhau có thể khác nhau, nhưng cũng đều có những đặc điểm cơ bản chung cho một xã hội dân chủ. Đó là, người dân có đủ điều kiện theo luật định đều có quyền bỏ phiếu và quyền ứng cử một cách tự do và công bằng; nhà nước phải thừa nhận và tôn trọng cũng như có trách nhiệm đảm bảo cho những quyền đó được thực thi.

Việt Nam, từ Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) đã bắt đầu chính thức đưa ra khái niệm về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và điều này càng được khẳng định rõ nét hơn tại Điều 2 Hiến pháp năm 2013 quy định “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và

đội ngũ trí thức”. Đồng thời, Hiến pháp năm 2013 quy định phương thức nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước của mình: "Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, HĐND và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước" (Điều 6). Do vậy, chế độ bầu cử nói chung và quyền ứng cử nói riêng là một phần quan trọng cho việc nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước ở tầm hiến định.

Về lý thuyết, tiếp cận ở góc độ nhà nước thì dân chủ chính là tiền đề cho sự ra đời của nhà nước pháp quyền và bản thân nhà nước pháp quyền có trách nhiệm bảo vệ, phát triển dân chủ. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến việc bảo vệ quyền bầu cử (bao gồm quyền bỏ phiếu và quyền ứng cử) của người dân.

Hiện nay, Hiến pháp cũng như một số văn bản luật của Việt Nam quy định rõ ràng và chắc chắn về bản chất của quyền này, về điều kiện để công dân có thể thực hiện quyền ứng cử, về cơ sở để nhà nước đảm bảo cho quyền ứng cử được triển khai. Nhưng trên thực tế thật không đơn giản hay dễ dàng để người dân có được quyền hiến định này một cách trọn vẹn và giá trị như đúng bản chất của nó. Câu hỏi đặt ra là vì sao? Giải pháp nào để thực hiện quyền này một cách khả thi và hữu hiệu (cho dù có thể tương đối) trong bối cảnh một quốc gia mà người dân đang khao khát sự vươn lên về nhiều mặt, đặc biệt là dân chủ và giới lãnh đạo cũng đã thận trọng đề xuất một cách chính thống về việc xây dựng nhà nước pháp quyền thực thụ (dù cần phải phát triển theo một định hướng an toàn nhất định). Chính vì vậy, người viết vừa trần trở vừa mạnh dạn chọn đề tài “quyền ứng cử ĐBQH và HĐND các cấp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh” để làm đề tài nghiên cứu.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Hiện nay, có khá nhiều các công trình nghiên cứu khoa học về chế độ bầu cử nói chung, thậm chí có cả đề tài về quyền ứng cử của đại biểu HĐND trong nhà nước pháp quyền dưới các hình thức: giáo trình; sách chuyên khảo; bài viết trên các tạp chí khoa học; luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ... như:

- Giáo trình Bầu cử trong nhà nước pháp quyền, Tiến sĩ Vũ Văn Nhiêm (chủ biên), trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2011.

- Sự hạn chế quyền lực nhà nước (chương IV, chương V), GS.TS. Nguyễn Đăng Dung (chủ biên), Đại học Quốc gia, khoa Luật, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2014.

- Bàn về Quốc hội và những thách thức của khái niệm, tiến sĩ Nguyễn Sĩ Dũng (phần II, mục 7 và mục 10), Nxb Chính trị quốc gia sự thật, năm 2017.

- Luận án tiến sĩ: Chế độ bầu cử ở nước ta, những vấn đề lý luận và thực tiễn, Vũ Văn Nhiêm, năm 2009.

- Luận văn thạc sĩ: Quyền ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của công dân theo pháp luật Việt Nam, Diệp Thanh Sơn, năm 2016.

- Bài viết trên các tạp chí chuyên ngành: nghiên cứu lập pháp, nhà nước và pháp luật, khoa học pháp lý...

Tuy nhiên, xét riêng về cơ chế ứng cử để trở thành người đại biểu của dân, đặc biệt là ĐBQH vẫn còn tồn tại những hạn chế, vướng mắc cố hữu. Vì vậy, cần phải có cách nhìn trực diện và khách quan vào những hạn chế đó để mạnh dạn có những thay đổi về mặt pháp lý cũng như thực tiễn nhằm đảm bảo hoạt động bầu cử ở Việt Nam ngày càng dân chủ hơn, tiến bộ hơn, thực chất hơn, góp phần tiến tới xây dựng thành công nhà nước pháp quyền XHCN đúng bản chất của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Thông qua việc nghiên cứu cơ sở lý luận, pháp lý về quyền ứng cử ĐBQH và HĐND các cấp cũng như đánh giá cơ chế thực hiện quyền này trong tình hình thực tiễn xã hội Việt Nam có những ưu điểm và hạn chế nào. Từ đó, người viết đề xuất một số giải pháp để góp phần đảm bảo cho quyền chính trị quan trọng này được thực hiện tốt hơn trong thực tế.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nhằm đạt được mục đích nghiên cứu đề ra, theo người viết cần phải:

- Tìm hiểu, phân tích cơ sở lý luận và cơ sở sở pháp lý về quyền ứng cử của công dân, tập trung làm rõ bản chất của quyền ứng cử, các yêu cầu cần phải có để đảm bảo cho quyền ứng cử được thực thi cũng như những quy định pháp luật còn là lực cản cho người dân được thực hiện quyền này.

- Căn cứ số liệu thực tế, chính xác của các cuộc bầu cử gần đây để phân tích thực trạng quyền ứng cử của người dân tại thành phố Hồ Chí Minh có những thuận lợi và khó khăn, vướng mắc gì trong quá trình thực hiện quyền ứng cử của mình.

- Trên cơ sở đó, tìm ra nguyên nhân về “độ vênh” giữa quy định pháp luật và thực tiễn trong việc thực hiện quyền chính trị quan trọng của người dân Việt Nam, người viết có những đề xuất cá nhân vừa mang tính chất học thuật vừa mang tính chất thực tế để góp một phần nhỏ trong việc hoàn thiện chế định quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam đã được Hiến pháp ghi nhận.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Người viết tập trung nghiên cứu về quy định của pháp luật và thực trạng việc thực hiện quyền ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp của công dân Việt Nam theo đúng với bản chất của nó trong chế định bầu cử cũng như trong sự nhìn nhận đa chiều về quyền này so với quy định của một vài nước khác.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- **Về nội dung:** quyền ứng cử ĐBQH và HĐND các cấp được nghiên cứu gắn liền với kiểu nhà nước hiện đại, gắn liền với quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền, là biểu hiện đặc thù của nền dân chủ mỗi quốc gia. Quyền này được xem xét trên hai phương thức thực hiện theo quy định của pháp luật bầu cử:

Một là, người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế ở trung ương và địa phương giới thiệu ứng cử.

Hai là, công dân tự ứng cử theo điều kiện, tiêu chuẩn luật định.

Cơ chế thực hiện quyền ứng cử từ ĐBQH cho đến đại biểu HĐND các cấp cơ bản là như nhau. Nhưng theo quy định của luật và điều kiện thực tế thì tiêu chuẩn, mức độ cạnh tranh trong ứng cử ĐBQH cao và “gắt” hơn nhiều so với việc thực hiện ứng cử vào HĐND các cấp, nhất là cấp xã. Vì thế, trong quá trình nghiên cứu, có những phần người viết tập trung nghiêng về cơ chế ứng cử ĐBQH nhiều hơn để làm rõ tính điển hình.

- *Về thời gian*: đề tài được tập trung nghiên cứu kể từ Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001), đó là khi Việt Nam chính thức đưa ra khái niệm về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong Hiến pháp - một cơ sở pháp lý chắc chắn và tốt đẹp để đảm bảo cho quyền ứng cử được tôn trọng và thực thi. Đồng thời, theo thông lệ trước đây các cuộc bầu cử ĐBQH và bầu cử đại biểu HĐND các cấp được tổ chức xen kẽ, cách nhau hai năm rưỡi một lần. Trên cơ sở Hiến pháp năm 1992 sửa đổi, bổ sung năm 2001, và thực tế, nhà nước ta cũng đã tiến hành nhập hai cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp lại thành một cuộc bầu cử thống nhất trong phạm vi cả nước kể từ kỳ bầu cử ĐBQH khóa XIII và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ (2011-2016), đây cũng là cột mốc thời gian mà người viết “định vị” tham khảo để nghiên cứu.

- *Về không gian*: lựa chọn thành phố Hồ Chí Minh là một trung tâm kinh tế, văn hóa lớn của cả nước, là cấp đô thị đặc biệt với nhiều điều kiện thuận lợi cũng như thử thách cho cả hai bên nhà nước và người dân trong việc thực hiện quyền này trên cơ sở so sánh số liệu với địa phương khác.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Cơ sở lý luận về nhà nước pháp quyền nói chung và nhà nước pháp quyền XHCN đặc thù nói riêng; chủ thuyết quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; các đặc điểm cơ bản của một nền dân chủ và dân chủ đại diện là cơ sở nền tảng cho việc định hướng triển khai nghiên cứu đề tài này.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Nền tảng mang tính chất truyền thống trong nghiên cứu học thuật tại Việt Nam của các ngành chính trị học, luật học, xã hội học... là đều vận dụng phương pháp duy vật biện chứng của triết học Mác – Lênin, trên cơ sở đó người viết áp dụng các phương pháp nghiên cứu như phương pháp phân tích, tổng hợp, lịch sử, so sánh, kết hợp giữa lý luận với thực tiễn để triển khai đề tài.

Đồng thời, người viết trình bày, lồng ghép và viện dẫn một cách khái quát về cơ chế ứng cử đại biểu dân cử của một vài nước để làm sáng tỏ những giá trị chung mang tính phổ quát hoặc để làm rõ sự khác biệt trên nền tảng về chế độ chính trị - xã hội, về bản chất giai cấp, về văn hóa, truyền thống giữa các quốc gia là không giống nhau. Ngoài ra, người viết còn tham khảo, trích dẫn ý kiến của các giảng viên, chuyên gia, người công tác trong tổ chức Mặt trận tổ quốc, công chức Sở nội vụ, ĐBQH, người ứng cử, cử tri... để có cái nhìn đa chiều và toàn diện hơn trong việc tổ chức và thực hiện quyền ứng cử.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn sẽ làm sáng tỏ giá trị pháp lý và giá trị thực tiễn từ quyền ứng cử của công dân trong định hướng xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội đặc thù của Việt Nam cũng như trình độ dân trí hiện nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận văn phân tích, tìm hiểu, đánh giá về thực tiễn quyền ứng cử ĐBQH và HĐND các cấp thông qua địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó, nêu ra những ưu điểm cần phát huy cũng như những hạn chế cần khắc phục nhằm đề xuất một số giải pháp đảm bảo cho quyền ứng cử của công dân được thực sự có giá trị và khả thi trong thực tế.

7. Cơ cấu của luận văn

Luận văn gồm có: mở đầu, ba chương, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục.

. - **Chương 1.** Những vấn đề lý luận và pháp lý về quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

- **Chương 2.** Thực trạng quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp tại thành phố Hồ Chí Minh.

- **Chương 3.** Một số giải pháp hoàn thiện việc thực hiện quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ VỀ QUYỀN ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP

1.1. Khái niệm, bản chất quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp

1.1.1. Khái niệm quyền ứng cử

Trước tiên, thuật ngữ "bầu cử" được sử dụng để chỉ sự tham gia của cử tri (đại cử tri, đại diện cử tri hoặc chính cử tri) trong một cuộc bầu cử do nhà nước tổ chức và cử tri bằng chính lá phiếu của mình để lựa chọn một chính đảng hay một ứng cử viên cho một chức danh trong bộ máy nhà nước. Đây cũng là sự phân biệt bầu cử với phương pháp khác thành lập một chức danh, một cơ quan nhà nước như bổ nhiệm, phê chuẩn việc bổ nhiệm hoặc chuyển giao quyền lực thông qua đảo chính (bằng bạo lực hoặc phi bạo lực) hoặc truyền ngôi (mang tính hình thức, nghi lễ).

Chế định hay thể chế bầu cử là tổng thể các quy định của pháp luật về bầu cử gồm các nguyên tắc, cùng tất cả các quan hệ được hình thành trong quá trình tiến hành bầu cử từ lúc công dân ghi tên trong danh sách bầu cử đến lúc các lá phiếu được bỏ vào thùng phiếu và xác định kết quả bầu cử [31, tr. 2].

Ngoài những cuộc bầu cử mang tính pháp lý (thành lập cơ quan nhà nước), bầu cử còn được sử dụng trong tổ chức và hoạt động của các chính đảng, tổ chức xã hội, các hội nghề nghiệp, doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, câu lạc bộ... Khác với cuộc bầu cử được sử dụng trong tổ chức và hoạt động của các tổ chức đảng, đoàn thể, tổ chức xã hội hoặc các vương triều. Bầu cử thành lập cơ quan nhà nước hay một chức danh nhà nước được điều chỉnh bởi Hiến pháp và pháp luật bầu cử do nhà nước ban hành.

Có thể nói, chế độ bầu cử là cơ chế (hay phương thức) với những quy định cụ thể về quyền bầu cử, thẩm quyền, trình tự, thủ tục tổ chức một cuộc bầu cử để người dân bằng lá phiếu của mình quyết định lựa chọn một chính đảng hay một cá nhân nắm giữ các chức danh nhà nước thuộc chính quyền trung ương hay địa

phương; là phương thức, thủ tục thành lập cơ quan nhà nước hay chức danh nhà nước. Đây là cơ chế phổ quát mà các nền dân chủ hiện đại dùng để phân bổ chức danh trong bộ máy nhà nước ở trung ương và địa phương.

Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 đã tuyên bố: "Mọi công dân, không có bất kỳ sự phân biệt nào...và không có bất kỳ sự hạn chế bất hợp lý nào, đều có quyền và cơ hội để:

a) Tham gia điều hành các công việc xã hội một cách trực tiếp hoặc thông qua những đại diện do họ tự do lựa chọn;

b) Bầu cử và ứng cử trong các cuộc bầu cử định kỳ, chân thực bằng phổ thông đầu phiếu, bình đẳng và bỏ phiếu kín, nhằm đảm bảo cho cử tri được tự do bày tỏ ý nguyện của mình" [7].

Hiện nay, khi nói đến quyền bầu cử có thể xem xét dưới hai hình thức: quyền bầu cử chủ động (quyền giới thiệu ứng cử viên, quyền bỏ phiếu bầu...) và quyền bầu cử thụ động (quyền được giới thiệu ứng cử, quyền tự ứng cử).

Quyền bầu cử được hiểu là khả năng của công dân được nhà nước bảo đảm thông qua những quy định của pháp luật tham gia vào việc bầu cử thành lập các cơ quan nhà nước ở Trung ương và cơ quan chính quyền địa phương [31, tr.5]. Quyền bầu cử được thực hiện theo các nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Đây cũng chính là những nguyên tắc cơ bản xuyên suốt quá trình bầu cử.

Quyền ứng cử là khả năng công dân được pháp luật quy định về việc thể hiện nguyện vọng của mình được bầu làm đại biểu, cụ thể là quyền chấp nhận sự đề cử của cá nhân, tổ chức khác hoặc tự mình ứng cử. Riêng đối với Việt Nam, mọi công dân đều có quyền ứng cử khi đủ hai mươi một tuổi trở lên và đáp ứng thêm được một số điều kiện khác (theo quy định của pháp luật) với yêu cầu chắc chắn cao hơn so với quyền bầu cử.

Hay nói cách khác, quyền bầu cử không chỉ là quyền bỏ phiếu mà còn bao gồm quyền đề cử, tức là khả năng chủ động trong lựa chọn những người có khả năng thay mặt mình trong cơ quan đại diện. Cũng có khi "quyền bầu cử" được dùng với nghĩa bầu cử nói chung bao gồm cả quyền đề cử, bỏ phiếu và quyền được bầu

vào cơ quan đại diện. Nếu dùng khái niệm này thì phải phân biệt quyền bầu cử chủ động (quyền đề cử, bỏ phiếu) và quyền bầu cử thụ động (quyền được giới thiệu ứng cử, quyền tự ứng cử). Về nguyên tắc, người có quyền bầu cử chủ động thì mới có quyền bầu cử thụ động, nhưng cũng có những trường hợp một cá nhân có quyền bỏ phiếu nhưng không có quyền ứng cử như theo quy định luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015: người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc thì họ được quyền bỏ phiếu bầu ĐBQH và đại biểu HĐND cấp tỉnh, nhưng họ chắc chắn không có được quyền ứng cử (khoản 5, Điều 29).

Ở các nhà nước hiện đại đều xem quyền bầu cử và quyền ứng cử là một trong những quyền cơ bản về chính trị của công dân và luôn luôn được nhà nước đảm bảo thực hiện. Điểm tiến bộ, đáng ghi nhận của Việt Nam trong việc hiến định trách nhiệm của nhà nước và những bảo đảm của nhà nước về ghi nhận, tôn trọng, thực hiện và bảo vệ quyền con người, quyền công dân theo nguyên tắc “Quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật” và “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”. (Điều 14 Hiến pháp năm 2013).

Hiến pháp năm 2013 (Điều 27) và Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (Điều 2) đều quy định theo hướng “công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, HĐND các cấp”. Những công dân này không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, thời hạn cư trú đều được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu cử hoặc ứng cử. Tuy nhiên, cũng có những trường hợp công dân đủ các điều kiện trên nhưng không được ghi tên vào danh sách cử tri hoặc ứng cử viên. Đó là: Người đang bị tước quyền ứng cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người đang chấp hành hình phạt tù, người bị hạn

chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự; Người đang bị khởi tố bị can; Người đang chấp hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án; Người đã chấp hành xong bản án, quyết định hình sự của Tòa án nhưng chưa được xóa án tích; Người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Ngoài ra, những người sau đây cũng không được tham gia ứng cử ĐBQH gồm: Những người chưa đủ hai mươi một tuổi tính đến ngày bầu cử được công bố và tất yếu những người không được tham gia bầu cử thì đương nhiên không được quyền ứng cử. Đó là “Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri” (Điều 30 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015).

Hiện nay, một vấn đề cần xem xét là nhà nước ta chưa tổ chức được cho công dân Việt Nam đang công tác, học tập ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài bỏ phiếu; cũng như chưa chấp nhận và tạo điều kiện người Việt Nam có hai quốc tịch được quyền ứng cử.

Khi nghiên cứu về quyền ứng cử của công dân Việt Nam tại thời điểm này thì cũng cần đặt “nó” trong tổng thể các quyền của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp hiện hành. Chúng ta nhận thấy lần đầu tiên giới hạn của các quyền đã được quy định thành nguyên tắc trong Hiến pháp. Cụ thể, Hiến pháp năm 2013, theo tinh thần của các công ước quốc tế đã quy định tại Điều 14: “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”. Nghĩa là, từ nay không ai được tùy tiện cắt xén, hạn chế các quyền con người, quyền công dân, trong đó có quyền ứng cử ngoại trừ các trường hợp cần thiết nói trên do luật định khá rõ ràng. Quyền ứng cử là một quyền do Hiến pháp ghi nhận và chỉ có công dân mới có toàn quyền định đoạt. Chúng chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong những trường hợp đặc biệt, chứ

không phải chung chung như “theo quy định của pháp luật” - một cách làm luật “mở” không giới hạn trong kỹ thuật lập pháp của nước ta thời trước đây.

Quyền ứng cử được xem như là quyền tham gia quản lý nhà nước chỉ dành cho những cá nhân có tư cách công dân (mang quốc tịch Việt Nam và đạt đến độ tuổi quy định, đảm bảo năng lực hành vi dân sự, không bị tước hoặc hạn chế một hoặc một số quyền công dân) và không được có sự phân biệt giữa các công dân vì lý do dân tộc, giới tính, tôn giáo, thời gian cư trú, tài sản... Người bị tước hoặc bị hạn chế một hoặc một số quyền công dân thì không được tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội do bản thân họ đã không chấp hành đúng những quy tắc xử sự chung, vi phạm quy tắc công cộng, xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích của người khác. Việc tước hoặc hạn chế quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội của công dân phải tuân theo quy định của pháp luật.

Tóm lại, quyền ứng cử là khả năng công dân được pháp luật quy định về việc thể hiện nguyện vọng của mình được bầu làm đại biểu, cụ thể là quyền chấp nhận sự đề cử, giới thiệu của các chủ thể khác hoặc tự mình ứng cử khi đạt được các điều kiện nhất định theo quy định của pháp luật.

1.1.2. Một số yêu cầu đối với việc thực hiện quyền ứng cử

1.1.2.1. Đảm bảo quyền tự do ứng cử

Quyền bầu cử của công dân chỉ thật sự có được sau cuộc cách mạng tư sản của các nước. Việt Nam, sau Cách Mạng Tháng Tám năm 1945, người dân mới bắt đầu có quyền bỏ phiếu và quyền ứng cử theo như ghi nhận trong Hiến pháp 1946. Trên bình diện chung, kết quả cuộc đấu tranh đòi quyền bầu cử của nhân dân các nước tư bản không chỉ dừng lại ở chỗ họ có quyền đi bỏ phiếu hay không mà còn phải đạt tới cái đích là trở thành người đại diện cho chính bản thân mình trong cơ quan nhà nước. Pháp luật tư sản trong lĩnh vực này có thể nói, về hình thức pháp lý đã đạt được nhiều thành công rực rỡ. Không ít nước tư bản buộc phải quy định trong pháp luật bầu cử quyền ứng cử tự do của mỗi công dân. Công dân có quyền tự ứng cử không phụ thuộc vào bất kỳ một đảng phái, tổ chức nào giới thiệu.

Ngay từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập, pháp luật đã có những quy định đầu tiên về quyền ứng cử của công dân. Điều 12 Sắc lệnh số 51 ngày 17 tháng 10 năm 1945 ghi rõ: “Người ứng cử được tự do ứng cử nơi mình chọn lấy nhưng chỉ một nơi ấy thôi”.

Trong cuộc Tổng tuyển cử năm 1946, nhận thấy tầm quan trọng của các Ủy ban nhân dân địa phương cần thực hiện đúng chức trách, Bộ nội vụ (đứng đầu là ông Võ Nguyên Giáp) đã gửi điện văn cho các địa phương có nội dung “...Ủy ban nhân dân địa phương không được can thiệp hoặc làm trở ngại việc tự do lựa chọn của cử tri, hoặc làm trở ngại quyền tự do vận động của người ra ứng cử. Tuyệt đối không được dùng chính quyền để ảnh hưởng đến sự lựa chọn hay sự vận động ấy, phải hoàn toàn trung lập. Chỉ khi nào cuộc vận động không hợp pháp thì Ủy ban nhân dân địa phương mới can thiệp để giữ trật tự thôi” [11, tr. 48].

Về lý thuyết, thông qua bầu cử tự do, người dân có thể kiểm soát quyền lực của cá nhân, tổ chức đang được mình ủy nhiệm. Đồng thời, về mặt nguyên tắc, thông qua bầu cử tự do, người dân có thể bãi nhiệm các vị đại diện cho mình khi họ không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân. Đặc biệt, người dân có quyền tự do tham gia ứng cử nếu cá nhân đó được đề cử hoặc tự mình ứng cử. Nhờ vào những cách thức này người dân mới thực hiện được quyền lực tối cao của mình.

Tự do trong thực hiện quyền ứng cử là một trong những yếu tố then chốt của dân chủ, nhằm tạo điều kiện góp phần thực hiện ý chí của nhân dân, quyền lực đích thực thuộc về nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nêu ra “Trong cuộc tổng tuyển cử, hễ là những người muốn lo việc nước thì đều có quyền ra ứng cử; hễ là công dân thì đều có quyền đi bầu cử. Không chia gái trai, giàu nghèo, tôn giáo, nòi giống, giai cấp, đảng phái, hễ là công dân Việt Nam thì đều có hai quyền đó. Vì lẽ đó, cho nên Tổng tuyển cử tức là tự do, bình đẳng; tức là dân chủ, đoàn kết” [11, tr. 22].

Theo suy nghĩ của người viết, ở góc độ bản chất tự do trong thực hiện quyền ứng cử là khi một cá nhân có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn do luật định và chỉ luật định mà thôi thì họ có quyền thực hiện đầy đủ các thủ tục theo những gì luật quy

định để ra ứng cử mà không bị hạn chế bởi bất cứ yếu tố nào. Còn vấn đề cá nhân đó có trúng cử hay không sẽ phụ thuộc vào quyết định của cử tri (ý chí của cử tri cũng tự do quyết định, không gặp cản trở nào, không ai có quyền áp đặt hoặc gợi ý việc lựa chọn ứng cử viên). Đây chính là ý nghĩa của sự tự do thuộc về người dân trong một nhà nước pháp quyền văn minh và hiện đại, không bị ràng buộc hay lệ thuộc vào ý chí của nhà cầm quyền hay của đảng phái chính trị thống lĩnh xã hội. Để đảm bảo nguyên tắc này, tính “cơ cấu cứng” trong bầu cử nước ta cần phải giảm đi và dần phải trở nên tương đối. Bản chất của dân chủ hóa đến một mức nào đó người ta hiểu về mặt thực hành là phải có bầu cử tự do, trong đó quyền ứng cử phải tự do, không bị ràng buộc bởi bất kỳ yếu tố nào liên quan đến nhân thân người ứng cử, mấu chốt chỉ ở điểm họ có đủ điều kiện để ứng cử theo luật định hay không mà thôi.

Bầu cử tự do và công bằng là “một trong những yếu tố then chốt của dân chủ, nhằm tạo điều kiện thực hiện ý chí của nhân dân” các ứng viên và đảng phái phải có trách nhiệm đối với cộng đồng, đặc biệt không được sử dụng hoặc tham gia vào bạo lực. Họ phải tôn trọng quyền và tự do của người khác; phải chấp nhận kết quả của một cuộc bầu cử tự do và công bằng. Năm 1994, Liên minh nghị viện thế giới (IPU) đã ra Tuyên bố về những chuẩn mực cho một cuộc bầu cử tự do và công bằng sau đó đã được công nhận rộng rãi ở Đại hội đồng Liên hiệp quốc (LHQ), Cơ quan trợ giúp về các vấn đề bầu cử của LHQ, Cơ quan phát triển của LHQ; các tổ chức khu vực như Hội đồng châu Âu, Tổ chức Liên minh châu Phi. Theo các nhà nghiên cứu về bầu cử, những tiêu chí quan trọng nhất về bầu cử tự do và công bằng: quyền của cử tri được tham gia vào quá trình bầu cử, không gặp cản trở nào; đảng được tranh cử tự do; bỏ phiếu kín; quá trình kiểm phiếu diễn ra nhanh chóng và minh bạch, trung thực; các bên tranh cử đều có quyền giám sát quá trình bầu cử để đảm bảo tính giải trình và minh bạch [1].

Về lịch sử lập hiến của Việt Nam, năm bản Hiến pháp đều khẳng định ba nguyên tắc bầu cử "phổ thông", "trực tiếp" và "bỏ phiếu kín". Chỉ riêng có Hiến pháp 1946 là có quy định tại Điều 17 về "bỏ phiếu phải tự do", còn bốn bản Hiến

pháp tiếp theo thay thế nội dung đó bằng nguyên tắc "bình đẳng". Tiếc rằng, đây là một trong số các giá trị hay của Hiến pháp năm 1946 đã không được kế thừa.

1.1.2.2 Yêu cầu công khai, minh bạch trong tổ chức và thực hiện quyền ứng cử

Công khai là một khái niệm có tính lịch sử mà sự ra đời, phát triển của nó là tiền đề, là điều kiện tiên quyết của sự dân chủ trong mọi hoạt động của xã hội loài người.

Theo Đại từ điển Tiếng Việt [44, tr. 346] thì công khai là "không giấu diếm, bí mật mà cho mọi người cùng biết". Cụm từ "công khai" thường đi cùng và gắn liền cụm từ "minh bạch". Cũng theo sách Đại từ điển nêu trên thì minh bạch là "sáng rõ, rành mạch" [44, tr. 1037]. Trong hoạt động của bộ máy nhà nước, công khai nghĩa là mọi hoạt động của nhà nước phải được công bố hoặc phổ biến, truyền tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, làm cho mọi người dân có thể tiếp cận được các thông tin, quyết định của nhà nước một cách dễ dàng; minh bạch nghĩa là không những phải công khai mà còn phải trong sáng, không khuất tất, không rắc rối, không gây khó khăn cho công dân trong tiếp cận thông tin, quyết định hay kết quả làm việc của nhà nước.

Với ý nghĩa và bản chất như vậy nên "công khai, minh bạch" luôn được sử dụng như một biện pháp hữu hiệu để phòng, chống các hành vi tiêu cực trong các hoạt động có tổ chức, đặc biệt là hoạt động bầu cử, hoạt động liên quan đến "chuyển giao" quyền lực. Nơi có thể xem là dễ xuất hiện mầm mống, nguy cơ, tham vọng để gian lận từ ở mọi khâu. Nếu như tính chất dân chủ của một quy trình bầu cử được tôn trọng và bảo đảm thật sự thì tất cả các công đoạn đều phải công khai, chỉ trừ việc bỏ phiếu là kín. Theo người viết, liên quan đến quyền ứng cử thì nguyên tắc công khai, minh bạch cần áp dụng triệt để trong các công đoạn: quy trình ứng cử, thông tin về các ứng cử viên, nội dung của các lần hiệp thương và kết quả của quá trình tổng hợp phiếu.

Trong một xã hội tiến bộ, việc công khai, minh bạch thông tin của cuộc bầu cử có vai trò rất quan trọng, mọi người dân đều có quyền tiếp cận thông tin một

cách kịp thời và trung thực. Các hoạt động diễn ra trong quy trình bầu cử, đặc biệt liên quan đến việc thực hiện quyền ứng cử đều phải công khai, minh thị để “dân biết, dân kiểm tra”. Muốn minh bạch thông tin thì Đảng và Nhà nước cần phải mở rộng hành lang hơn nữa cho tự do ngôn luận và báo chí, tự do cá nhân của người dân. Vẫn còn những ý kiến bảo thủ không cho minh bạch một số loại thông tin vì ổn định chính trị-xã hội, vì sợ mất lòng tin thì theo người viết, đó là thứ lòng tin ngờ nghệch, mù quáng, lòng tin nhầm lẫn.

1.1.2.3 Yêu cầu công bằng, bình đẳng trong tổ chức và thực hiện quyền ứng cử

Đòi hỏi về tính công bằng trong tổ chức và thực hiện quyền ứng cử được người viết đưa ra trên cơ sở nguyên tắc chung của bầu cử là bình đẳng. Yêu tố bình đẳng nhằm đảm bảo mọi công dân có khả năng như nhau khi tham gia bầu cử, nghiêm cấm mọi sự phân biệt dưới bất cứ hình thức nào; bình đẳng để đảm bảo sự khách quan trong bầu cử, không thiên vị. Bình đẳng là một tiêu chí quan trọng, gắn liền và xuyên suốt quá trình bầu cử, từ khi lập danh sách cử tri cho đến khi xác định kết quả bầu cử. Hình thức biểu hiện của nguyên tắc này không chỉ ở điểm mỗi cử tri đều có số lần bỏ phiếu như nhau mà mỗi cử tri khi đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo điều kiện luật định thì có quyền ứng cử như nhau.

Ngoài ra, sự bình đẳng này còn đề cập đến việc cần phải đảm bảo bình đẳng giữa các ứng cử viên, các lực lượng xã hội khi tham gia bầu cử... Các ứng viên phải bình đẳng trong vận động bầu cử, bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, sử dụng các phương tiện truyền thông và đảm bảo trong việc kiến nghị, yêu cầu, khiếu nại, tố cáo về những vấn đề liên quan đến bầu cử. Chẳng hạn như, giữa các ứng cử viên trong vận động bầu cử: thời gian bắt đầu và kết thúc vận động, thời gian được phát biểu trên các phương tiện thông tin đại chúng, cách thức và địa điểm dán áp phích, bích chương về hình ảnh bản thân mình, về kế hoạch chương trình hành động phải bình đẳng như nhau. Nguyên tắc bình đẳng còn đòi hỏi phải có sự phân bổ hợp lý cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu để bảo đảm tiếng nói đại diện của các vùng, miền, địa phương, các tầng lớp xã hội, các dân tộc thiểu số và phụ nữ phải có tỷ lệ

đại biểu thích đáng. Về mặt lý giải của nhà nước, nhằm để đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, nhà nước có các biện pháp để đồng bào dân tộc cũng như phụ nữ có số đại biểu thích đáng và cần thiết trong Quốc hội và trong HĐND các cấp.

Theo người viết, cần nên bỏ tư duy này. Chúng ta cần những người làm gì được cho những nhóm yếu thế trong xã hội chứ không phải thiên về số lượng họ có mặt trong cơ quan dân cử. Chúng ta cần có sự công bằng trong việc phân bổ ứng cử viên về đơn vị bầu cử, nhà tổ chức cuộc bầu cử không được ưu ái một số ứng cử viên đặc biệt như quan chức đương nhiệm, người nổi tiếng... để bố trí về những nơi quen thuộc như ứng cử viên do trung ương giới thiệu về địa phương (quê nhà, nơi công tác, nơi có nhiều ảnh hưởng), sự công bằng này thể hiện trong kỹ thuật sắp xếp danh sách ứng cử: không tạo quân xanh, quân đỏ, “đội quân” lót đường hay thỏa thuận ngầm trong việc chia “ghế” giữa các nhóm cạnh tranh, giữa các vùng miền.

Tham khảo Luật hồi ty, chúng ta nhận thấy triết lý hồi ty (nghĩa là tránh đi, né đi) quy định những người thân như anh em, cha con, thầy trò, bạn bè cùng học, những người cùng quê... thì không được làm quan cùng một chỗ. Nguyên tắc nói trên nhằm ngăn chặn người có quyền lợi dụng chức vụ để nâng đỡ, bao che hoặc câu kết với người thân (quan hệ gia đình, dòng họ, thầy trò, địa phương) thực hiện các hành vi tiêu cực trong việc quản lý các cơ quan công quyền [35, tr. 14-15]. Vận dụng vào hoạt động ứng cử cũng vậy, không tạo ra sự bất bình đẳng, công bằng giữa các ứng cử viên bằng các “kỹ thuật mềm” của nhà tổ chức.

Tham khảo từ cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên của nước ta đã có quy định: Ủy ban nhân dân làng, tỉnh lỵ (hay khu phố) sẽ triệu tập một ban phụ trách cuộc bầu cử hai ngày trước ngày bỏ phiếu. Ban ấy gồm có một đại biểu của Ủy ban nhân dân và những đại biểu của các giới trong làng, tỉnh lỵ (hay khu phố) nông dân, công nhân, thương nhân, thanh niên, phụ nữ, phụ lão... Ủy ban nhân dân có quyền dựa theo ý kiến của phần đông mà chọn lấy từ 5 đến 7 đại biểu (kể cả đại biểu của Ủy ban nhân dân) *toàn là những người không ra ứng cử* (Xem từ Điều 27 đến Điều 29 Sắc lệnh số 51/SL ngày 17 tháng 10 năm 1945) để đảm bảo tính khách quan, không thiên vị.

Vì thế, sự công bằng của các ứng cử viên sẽ được cử tri đánh giá và chọn lựa trên cơ sở năng lực thật sự của từng người, sự thuyết phục của từng ứng cử viên đối với cử tri chứ không phải các lợi thế chính trị được sắp đặt trước hết.

1.1.2.4 Đảm bảo tính trung thực trong tổ chức và thực hiện quyền ứng cử

Có thể xem việc yêu cầu đảm bảo tính trung thực trong bầu cử vừa là một yêu cầu riêng biệt vừa là hệ quả tất yếu của các yêu cầu trên, đặc biệt là yêu cầu công khai, minh bạch. Sự trung thực trong bất kỳ cuộc bầu cử nào cũng yêu cầu từ hai phía: sự trung thực từ ứng cử viên và từ nhà tổ chức trong suốt quá trình bầu cử kể từ khi lập danh sách cử tri cho đến lúc công bố kết quả bầu cử.

Khái niệm trung thực đối với ứng cử viên trong luật của Pháp có thể hiểu theo chiều “quy chiếu” ngược về tội "thiếu trung thực" bao gồm các hành vi vi phạm như tham nhũng, lạm dụng uy tín, chức vụ và quyền hạn để mưu lợi cá nhân, bao che cho những hành vi sai phạm, rửa tiền, trốn và gian lận thuế... Những người như vậy không thể ... ứng cử vào những vị trí khác trong bộ máy công quyền, bởi không ai dám chắc ở cương vị mới, chỗ làm mới, những người này không tiếp tục có những hành vi "thiếu trung thực" như họ đã từng mắc phải [2].

Đối với bầu cử Việt Nam, tuy không có xuất hiện chính thức thành một quy định trong Hiến pháp hay trong các văn bản luật liên quan đến bầu cử, nhưng thông qua sự hướng dẫn toàn diện của Đảng về công tác nhân sự, của các tổ chức bầu cử từ các bước chuẩn bị cho đến xuyên suốt quá trình bầu cử thì có thể đưa ra các đặc điểm của yêu cầu sự trung thực từ ứng cử viên cũng theo chiều quy chiếu ngược: “có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực; có tư tưởng cục bộ, bảo thủ; đang bị thanh tra, kiểm tra dấu hiệu vi phạm; đã bị các cơ quan có thẩm quyền kết luận không trung thực; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra những vụ, việc tham nhũng, lãng phí, mất đoàn kết nghiêm trọng” thì không đưa vào danh sách ứng cử [3].

Đồng thời, việc kê khai tài sản của người ứng cử cũng là tiêu chí quan trọng để xem xét, đánh giá tính trung thực của ứng cử viên. Cụ thể, ứng cử viên cần kê khai nhà, quyền sử dụng đất, tài sản, tài khoản ở nước ngoài, lương và thu nhập

khác, ô tô, mô tô, tàu thuyền có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên. Ứng cử viên sở hữu đá quý, sổ tiết kiệm, cổ phiếu... từ 50 triệu đồng trở lên cũng phải khai báo đầy đủ. Tài sản của bản thân ứng cử viên, vợ hoặc chồng và con chưa thành niên đều phải được kê khai trung thực. Cơ quan quản lý nhận bản kê khai của người ứng cử phải có trách nhiệm xem xét. Nếu phát hiện có vấn đề không trung thực thì phải yêu cầu xác minh. Ngoài ra còn có thể thông qua kênh tố cáo, phản ánh của dân để sử dụng xác định “độ” trung thực của ứng cử viên. Điển hình như, bà Nguyễn Thị Nguyệt Hường nguyên ĐBQH khóa XIII và đã được xác định là người trúng cử ĐBQH khóa XIV nhưng bị Hội đồng bầu cử quốc gia bỏ phiếu kín với 100% thành viên xác nhận bà không đủ tư cách ĐBQH khóa XIV khi cơ quan chức năng phát hiện bà Hường không trung thực trong kê khai hồ sơ ứng cử, cụ thể bà thừa nhận mang quốc tịch Malta và có tài khoản ở nước ngoài, cổ phiếu quỹ Malta nhưng không kê khai trong hồ sơ ứng cử [43].

Thật ra nguyên tắc này đã được thực thi từ cuộc Tổng tuyển cử năm 1946, Báo Sự Thật ngày 16-1-1946 đăng một mẫu chuyện về một cử tri sau khi đi bầu về đã chia sẻ: “Hôm nay tôi không bầu cho ông A vì ông ấy là một giáo học mà trong truyền đơn lại xưng là giáo sư. Tôi cũng không bầu cho ông B vì ông ấy hứa cứ bầu rồi ông ấy hậu tạ, thế là phỉnh dân. Tôi chỉ thích bầu cho những người trung thực” [11, tr. 34-35].

Tôn trọng sự lựa chọn của cử tri (cho dù kết quả có trái ý muốn nhà cầm quyền) luôn là một biểu hiện của nền dân chủ hiện đại. Vì thế, cần phải tôn trọng sự trung thực các kết quả do cử tri quyết định như việc tín nhiệm của cử tri trong hội nghị tiếp xúc, việc chọn lựa ứng cử viên của cử tri trong ngày bỏ phiếu. Thậm chí cần hình sự hóa việc cá nhân nào đó làm thay đổi kết quả bầu cử (nếu có).

Với tư cách một thiết chế bảo đảm dân chủ, bầu cử có những nguyên tắc chung nhất, mà bất cứ hoạt động bầu cử ở đâu, thời kỳ nào cũng đều phải tuân thủ. Ở nước ta, bầu cử là một định chế quan trọng của dân chủ, nền tảng hợp pháp để hình thành các chức danh của bộ máy nhà nước. Theo chiều hướng của sự phát triển xã hội ngày càng mở rộng dân chủ thì hình thức biểu hiện của các yêu cầu đặt ra

trên đây càng đa dạng, càng phong phú, càng góp phần đảm bảo tính chất dân chủ của các cuộc bầu cử. Thế nên, theo người viết, hoạt động bầu cử nói chung hiện nay ngoài bốn nguyên tắc cơ bản “phổ thông, trực tiếp, bình đẳng và bỏ phiếu kín” xuyên suốt trong quá trình bầu cử thì riêng đối với quyền ứng cử của công dân cần ghi nhận thêm các yêu cầu, đảm bảo đặc thù là tự do, công khai minh bạch, bình đẳng công bằng và trung thực như đã phân tích trên.

1.1.3 Bản chất quyền ứng cử

1.1.3.1 Quyền ứng cử gắn liền với dân chủ trong nhà nước pháp quyền

Dân chủ trước hết là quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Nhân dân có thể trực tiếp thực thi quyền lực này hoặc ủy quyền cho các đại biểu của mình. Trong trường hợp thứ nhất, chúng ta có dân chủ trực tiếp. Trong trường hợp thứ hai, chúng ta có dân chủ đại diện.

Dân chủ trực tiếp thì rất tốt đẹp và mộng mơ, lý tưởng nhưng rất khó thực hiện trong thực tế. Ngoại trừ trong phạm vi một nhóm, một tập thể, một cộng đồng dân cư tương đối nhỏ (như các tổ chức xã hội, các tổ chức kinh tế hoặc thôn, khóm, ấp, tổ dân phố), sẽ là bất khả thi nếu triệu tập hàng triệu hoặc chục triệu người để thảo luận hay thống nhất quyết định một vấn đề nào đó. Cho đến nay, trưng cầu ý dân là cách làm khả dĩ nhất để triển khai dân chủ trực tiếp. Chẳng hạn như, Việt Nam có quy định “Trưng cầu ý dân là việc Nhà nước tổ chức để cử tri cả nước biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước theo quy định của Luật này” (Điều 3 Luật trưng cầu ý dân năm 2015). Tuy nhiên, cách làm này là rất tốn kém về nhân lực, tài lực, vật lực của đất nước và không phải bao giờ cũng có giá trị thật sự, nếu như trước đó không diễn ra các cuộc tranh luận một cách tự do và dân chủ sâu rộng trong toàn xã hội. Vì vậy, cho đến thời điểm hiện nay và trong bối cảnh thực tại của Việt Nam, dân chủ đại diện vẫn là mô hình thực thi dân chủ thiết thực và hiệu quả hơn hết.

Cách đây hơn nửa thế kỷ, vào ngày 5.1.1946, trước Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khoá I một ngày, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rõ “ngày mai là một ngày sẽ đưa quốc dân ta lên con đường mới mẻ... là một ngày đầu tiên trong lịch sử Việt Nam

mà dân ta bắt đầu hưởng dụng quyền dân chủ của mình... Ngày mai không ai ép, không ai mua, toàn dân sẽ thực hiện cái quyền dân chủ ấy”. Dự liệu trước những toan tính sai lầm có thể xảy ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cẩn thận cảnh báo “không ai ép, không ai mua” trong cuộc bầu cử ĐBQH lần đầu tiên trong lịch sử nước ta, nhân dân ta lần đầu tiên được “hưởng dụng quyền dân chủ của mình”. Có thể nói, các cuộc bầu cử ĐBQH hay HĐND các cấp luôn là một cuộc sát hạch về trình độ dân chủ của dân ta và của thể chế chính trị của nước ta một cách rõ ràng nhất qua từng thời kỳ, từng giai đoạn. Dân chủ hay không, dân chủ ở mức nào sẽ luôn được thể hiện rõ qua các cuộc bầu cử.

Trước tiên, công dân đáp ứng được điều kiện do luật định một cách rõ ràng và phổ quát đối với các tiêu chuẩn của ứng cử viên của Quốc hội hoặc HĐND các cấp thì có thể chấp nhận sự đề cử của tổ chức hoặc tự ra ứng cử mà không phân biệt bất kỳ yếu tố nào. Đây là một biểu hiện của nền dân chủ hiện đại.

Bên cạnh đó, theo quy định của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 là một quy trình nhiều bước chọn lọc với ba lần hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử, quy trình hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu xứng đáng là đại biểu dân cử một cách công khai, dân chủ. Trong quy trình này, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là chủ thể tổ chức. Việc tham gia hiệp thương bầu cử có đại diện của các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, giới tính, ngành nghề cũng đã thể hiện thuộc tính dân chủ trong nhà nước pháp quyền.

Để lựa chọn và giới thiệu ra được một danh sách tốt nhất những người ứng cử ĐBQH, trước hết Ban thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ phải chuẩn bị rất kỹ việc dự kiến cơ cấu thành phần, phân bổ số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ra ứng cử. Trong hội nghị hiệp thương, mọi thành viên trong MTTQ Việt Nam phải dân chủ thảo luận cho thấu tình đạt lý, không gò ép, áp đặt. Nếu có vấn đề nào đó qua thảo luận vẫn không nhất trí thì được tập thể Hội nghị biểu quyết.

Ngoài ra, quy định về người ứng cử có thể ủy quyền người đại diện của mình đến dự hội nghị lấy ý kiến cử tri, khi người ứng cử vì lý do sức khỏe, lý do công tác hoặc lý do chính đáng khác mà không đến dự hội nghị lấy ý kiến cử tri được. Người được ủy quyền có quyền phát biểu ý kiến tại hội nghị này. Quy định này đã đảm bảo cho quyền ứng cử được rộng đường thực thi hơn, đó cũng là điều tiến bộ.

Trong một nền dân chủ, quyền lực của nhà nước chỉ được thực thi khi có sự nhất trí của người dân. Cơ chế cơ bản để chuyển sự nhất trí đó thành quyền lực nhà nước là tổ chức bầu cử tự do, công bằng và dân chủ. Cuộc bầu cử là một trong những hình thức hoạt động chính trị - xã hội quan trọng của nhân dân. Bầu cử thu hút sự tham gia đông đảo của cử tri cả nước. Do vậy, để đảm bảo dân chủ, các cuộc bầu cử phải được tiến hành có tổ chức theo những trình tự, thủ tục chặt chẽ. Những trình tự, thủ tục này được pháp luật quy định từ Hiến pháp, văn bản có hiệu lực pháp luật cao nhất đến các đạo luật hiện hành như Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015, Luật Mặt trận tổ quốc năm 2015, Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015... và cho đến các văn bản dưới luật như các nghị quyết của UBTVQH, Nghị định của Chính phủ... cụ thể hóa và hướng dẫn chi tiết các văn bản nêu trên. Sự rõ ràng trong luật định cũng là một biểu hiện tích cực cho nền dân chủ nước nhà.

Bầu cử nói chung được hiểu là cách thức nhân dân trao quyền cho Nhà nước và với tư cách là một chế độ tiên tiến, Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam không thể bằng một phương pháp nào khác hơn là bầu cử để trực tiếp thành lập ra các cơ quan dân cử và gián tiếp thành lập ra các cơ quan nhà nước khác của mình. Mục tiêu lớn nhất của bầu cử ở Việt Nam là để xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN hoàn thiện nhất thể hiện ở bản chất của thể chế chính trị và phương thức thực hiện các quyền chính trị một cách dân chủ nhất (trong điều kiện có thể). Trong đó, đảm bảo tự do, công bằng cho quyền ứng cử của công dân là một biểu hiện rõ nét của dân chủ.

1.1.3.2 Quyền ứng cử thể hiện nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân

Trước tiên phải thừa nhận và thống nhất quan điểm quyền lực tối cao thuộc về nhân dân mà Điều 2 Hiến pháp 2013 đã ghi nhận “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức”. Đó không còn là lời hô khẩu hiệu bằng mỹ từ, mà được thể hiện cụ thể trong hệ thống chính trị và trong cộng đồng người dân. Mọi người dân cần ý thức rõ ràng và đầy đủ về quan điểm này, thường xuyên thể hiện bằng hành động thực tế, trong đó nổi bật là thực hiện quyền ứng cử trong hoạt động chính trị xã hội quan trọng của đất nước.

Bầu cử là một trong các biện pháp thành lập ra bộ máy nhà nước cho phép chúng ta xác định nguồn gốc, bản chất dân chủ của một nhà nước. Quốc hội, HĐND các cấp, Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp... chỉ được hình thành từ sự bỏ phiếu bầu chọn trực tiếp hoặc gián tiếp của nhân dân. Bầu cử nói chung và quyền ứng cử của người dân nói riêng được tôn trọng là một trong những biểu hiện của một nhà nước dân chủ. Bởi vì, bầu cử (trong đó có quyền ứng cử) như là một trong những phương thức khẳng định tính hợp pháp, chính danh của một chính quyền. Quyền lực nhà nước không phải xuất phát từ hư vô hay từ thượng đế, mà phải có nguồn gốc từ nhân dân. Bầu cử thể hiện quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, đặc biệt là khi người dân được thực hiện quyền ứng cử để có khả năng trở thành những người trực tiếp thực hiện quyền lực nhà nước. Với tầm quan trọng như vậy, bầu cử trở thành một yếu tố không thể thiếu được trong chế độ xã hội dân chủ đương đại, góp phần không nhỏ cho việc xây dựng chế độ xã hội tiên tiến.

Xuất phát từ nguyên lý cơ bản rằng nhân dân mới là chủ nhân của đất nước cho nên nhân dân mới là chủ thể quyết định mọi việc quan trọng của đất nước. Nhưng dân chúng với số lượng đông đảo thì không thể cùng tham gia trực tiếp vào những công việc này cho nên cần phải bầu ra những người đại diện cho mình, ở trung ương là ĐBQH, ở địa phương là đại biểu HĐND các cấp. Mặt khác, nhiều

khối dân chúng với sự khác biệt về nhận thức, nghề nghiệp, địa vị xã hội nên dễ hiểu để đạt được tính đồng thuận sẽ khó khăn hơn nhiều. Chính vì vậy, việc bầu ra các đại biểu cho mình là vô cùng quan trọng. và trong quá trình đó, chính bản thân từng người dân được có cơ hội trở thành những người trực tiếp thực thi quyền lực này thì lại càng quan trọng hơn.

Về bản chất, trong một khoảng thời gian nhất định (tùy thuộc vào số năm của nhiệm kỳ, có thể 4 năm hay 5 năm...), chính quyền nhà nước và những người giữ chức vụ quan trọng trong bộ máy nhà nước đều được người dân ủy quyền thực hiện quyền lực nhà nước thông qua hình thức bầu cử định kỳ. Khi hết thời gian ủy thác, các chủ thể này phải trao lại quyền lực nhà nước cho nhân dân sau khi đã hoàn thành xong nhiệm kỳ hoạt động của mình. Nhân dân sẽ bầu ra những người đại diện khác, có thể trong đó có họ nhưng thuộc về nhiệm kỳ mới.

Như vậy, với bầu cử dân chủ, không chỉ quyền bầu chọn mà quyền ứng cử đều thuộc về người dân. Vì vậy, quyền lực nhà nước luôn có xu hướng xuất phát từ người dân và quay trở về với người dân. Điều này, khác hoàn toàn so với chính thể quân chủ tuyệt đối thời phong kiến hoặc một vài nước chuyên quyền, độc đoán hiện nay như Bắc Triều Tiên, tuy là một kiểu nhà nước hiện đại với chính thể công bố là Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên nhưng việc thực hiện quyền lực nhà nước theo kiểu truyền ngôi thế tập của lãnh đạo tối cao đất nước một cách đầy ma mị, áp đặt và kỹ thuật trong cùng một dòng họ, trong cùng huyết thống qua ba đời từ ông - cha - con, kể từ năm 1948 cho đến nay. (Từ Kim Nhật Thành (Kim Il-Sung) đến Kim Chính Nhật (Kim Jong-il) và hiện nay Kim Chính Ân (Kim Jong-Un) giữ ba chức vụ quan trọng là Bí thư thứ nhất Trung ương Đảng lao động Triều Tiên, chủ tịch Quân Ủy Trung ương của Đảng và Chủ tịch thứ nhất Ủy ban Quốc phòng Triều Tiên.

Bầu cử ở Việt Nam, quy định ngay trong quá trình hiệp thương, Mặt trận Tổ quốc các cấp cần thiết phải dân chủ bàn bạc từ cơ cấu, thành phần người trong Đảng, ngoài Đảng, người thuộc khối cơ quan hành pháp và đại biểu thuộc các cơ quan nhà nước khác, đại biểu các tầng lớp nhân dân, tỷ lệ các đại biểu là doanh

nhân...Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân phụ thuộc rất nhiều vào việc phát huy được quyền làm chủ của nhân dân trong quá trình bầu cử, từ việc bỏ phiếu đến việc ứng cử và kiểm soát, giám sát quá trình bầu cử.

1.1.3.3 Quyền ứng cử phản ánh mức độ dân chủ của mỗi quốc gia

Một nhà nước có thể cơ cấu, tổ chức chặt chẽ đến đâu, hoạt động thật hiệu quả, thành tựu của họ có thể được xem là cường quốc kinh tế hoặc quốc gia sở hữu sức mạnh hạt nhân đi chăng nữa mà các quan chức, những người đảm nhận những chức năng quan trọng của nhà nước không do bầu cử dân chủ, trung thực mà có được thì cũng là chế độ phi dân chủ hoặc dân chủ mang màu sắc giả tạo. Chế độ đó chỉ là dân chủ khi bộ máy nhà nước được hình thành trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua bầu cử công khai, công bằng, tự do và dân chủ. Cơ chế bầu cử của các thể chế chính trị có thể là khác nhau, nhưng những yếu tố cơ bản của chúng bắt buộc phải giống nhau đối với tất cả các xã hội dân chủ, kể cả dân chủ tư sản hay dân chủ xã hội chủ nghĩa: tất cả công dân đến tuổi trưởng thành, đáp ứng đủ điều kiện theo luật định đều có quyền bầu cử và quyền ứng cử không phân biệt và không bị hạn chế.

Từ Hiến pháp 1946, Việt Nam đã quy định tại Điều 18 “Người ứng cử phải là người có quyền bầu cử, phải ít ra là 21 tuổi và phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ. Công dân tại ngũ cũng có quyền bầu cử và ứng cử”. Cho đến hiện nay, Hiến pháp năm 2013 (Điều 27) theo hướng ngắn gọn và tập trung hơn khi thừa nhận “công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, HĐND các cấp”.

Xét về mặt quy định, có nghĩa là, ở Việt Nam quyền ứng cử được trao cho mọi công dân khi đáp ứng một số điều kiện tuổi tác, năng lực hành vi...; không phân biệt về giới tính, dân tộc, địa vị xã hội, nghề nghiệp, tình trạng tài sản, trình độ văn hóa... Đây là đặc điểm thể hiện độ rộng về dân chủ của Việt Nam, một điểm rất tiến bộ về mặt pháp lý.

Trong nhà nước phong kiến, chủ thể được tham gia tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước chỉ thuộc giới hạn quý tộc, dòng dõi vua quan theo phương

thức truyền ngôi thế tập hoặc bạo lực. Nhà nước tư sản là nhà nước đầu tiên đem đến cho người dân quyền chính trị quan trọng này, đây là giá trị tích cực của cách mạng tư sản, nhưng không thể phủ nhận rằng thời kỳ đầu họ cũng giới hạn quyền bầu cử và quyền ứng cử trong phạm vi nhất định như sắc tộc, màu da, giới tính, giàu nghèo, thời hạn cư trú... Chẳng hạn như, khi Hoa Kỳ thông qua Hiến pháp 1787 thì chỉ có “nam công dân da trắng có tài sản mới được quyền bỏ phiếu và ứng cử” [6, tr. 147]; hoặc “đến năm 1972, phụ nữ Thụy sĩ mới có quyền bầu cử, hoặc ở Anh, những người có bất động sản lớn và những người tốt nghiệp các trường đại học tổng hợp, thường có phiếu bỏ sung. Ở Niu-di-lân cho đến gần đây vẫn quy định những người có tài sản dưới 1000 bảng Anh có một phiếu, từ 1000 đến 2000 bảng Anh có hai phiếu và trên 3000 bảng Anh có ba phiếu” [6, tr. 149]. Đây là những cuộc bầu cử được tổ chức cho những người đạt những tiêu chuẩn nhất định mà trong đó, quyền bỏ phiếu và quyền được bầu được xác định như một đặc quyền, đặc lợi của tầng lớp trên chứ không phải của người dân thường. Một số nước vào các thời kỳ nhất định đã sử dụng pháp luật bầu cử như một công cụ để hạn chế dự tham gia của quần chúng vào việc thực hiện quyền lực nhà nước.

Riêng Việt Nam, từ năm 1946 cho đến nay, bầu cử đã được tổ chức cho tất cả mọi người không bị hạn chế bởi bất cứ một giới hạn nào, chỉ trừ độ tuổi chưa đủ trưởng thành, hoặc không đảm bảo năng lực hành vi hoặc bị tòa án tước một số quyền tự do, chính trị. Gần đây nhất, trong cuộc bầu cử ĐBQH khóa XIV và đại biểu HĐND nhân dân nhiệm kỳ 2016-2021, không chỉ người bị tạm giam được quyền bỏ phiếu mà còn có một số người đã lên tiếng phản biện trên các diễn đàn chính sách hoặc báo chí, mạng xã hội để rung những tiếng chuông cảnh báo về thực trạng đất nước, nhiều người trong phạm vi công việc của mình đã làm tốt nhất những gì có thể những mong qua đó góp phần vào sự tiến bộ chung của đất nước. Trong đó có một hình thức khá thú vị là họ mạnh dạn tự ứng cử ĐBQH, mặc dù, họ biết chắc chắn trước kết quả là mình sẽ bị loại từ “vòng gửi xe”. Dân chủ và thú vị ở điểm họ biết chắc chắn “thua” nhưng vẫn cứ thực hiện như một sự lên tiếng của giới trí thức, của giới văn nghệ sĩ, của những người còn quan tâm đến nhịp sống, đến hơi

thờ của đất nước mình. Thừa nhận quyền cử tri của người bị tạm giam và quyền tự do ứng cử của công dân chính là biểu hiện dân chủ trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền tại Việt Nam.

Vấn đề dân chủ luôn được coi trọng trong lý luận và thực tiễn tổ chức nhà nước theo hướng pháp quyền. Theo đó, dân chủ là một đặc trưng cơ bản của mọi nhà nước pháp quyền. Xét về nguồn gốc, lý luận về nhà nước pháp quyền hình thành là nhằm phản kháng, đối kháng với các nhà nước chuyên chế trong mục đích giải phóng con người, bảo đảm quyền con người, chống lại quyền lực nhà nước vô hạn độ. Dân chủ chính là tổ hợp của các quyền con người. Trong đó cho phép và tạo điều kiện công dân được thực hiện quyền ứng cử là giá trị dân chủ không thể phủ nhận được.

1.2. Điều kiện trở thành ứng cử viên

1.2.1. Điều kiện trở thành ứng cử viên theo quy định pháp luật

ĐBQH và đại biểu HĐND các cấp là người đại diện cho dân, là người nói tiếng nói, ý chí, nguyện vọng của dân trong các giai tầng xã hội, là người góp phần đưa ý chí, nguyện vọng của nhân dân thành chính sách pháp luật của Nhà nước ở tầm trung ương hoặc địa phương tùy từng cấp đại biểu. Vì vậy, đại biểu phải chính là người ưu tú, gương mẫu, tiêu biểu nhất được cử tri lựa chọn, gói gắm trong những người đủ tiêu chuẩn ứng cử.

Theo Điều 3 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 quy định người ứng cử ĐBQH phải đáp ứng các tiêu chuẩn của ĐBQH quy định tại Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 (Điều 22). Cụ thể:

1. Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.
2. Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

3. Có trình độ văn hóa, chuyên môn, có đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ ĐBQH.

4. Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.

5. Có điều kiện tham gia các hoạt động của Quốc hội.

Tương tự như vậy, người ứng cử đại biểu HĐND phải đáp ứng các tiêu chuẩn của đại biểu HĐND quy định tại Điều 7 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 giống các tiêu chuẩn vừa nêu, chỉ là không có tiêu chuẩn thứ 5 như ĐBQH.

Bên cạnh đó, Luật bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND 2015 (Điều 37) cũng quy định rõ những trường hợp không được ứng cử đại biểu, bao gồm: Người đang bị tước quyền ứng cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người đang chấp hành hình phạt tù, người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự; Người đang bị khởi tố bị can; Người đang chấp hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án; Người đã chấp hành xong bản án, quyết định hình sự của Tòa án nhưng chưa được xóa án tích; Người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Phân tích quy định này, chúng ta nhận thấy “Người đang bị tước quyền ứng cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật” là tư duy làm luật đặc thù của Việt Nam (thậm chí là các nước XHCN) xuất phát từ tư tưởng đấu tranh giai cấp còn hằn sâu nên vẫn duy trì quy định này trong lúc hầu như các nước trên thế giới không có khái niệm “tước quyền ứng cử”. Với tiêu chuẩn dành cho ứng cử viên phải là người “gương mẫu chấp hành pháp luật” nên “Người đang bị khởi tố bị can” không có quyền ứng cử. Theo người viết, quy định này trái với tinh thần Hiến pháp “Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật” (khoản 1, Điều 31, Hiến pháp năm 2013). Một người chỉ bị xem là có tội khi bị tuyên bởi tòa án và bản án đã có hiệu lực pháp luật là một quy định tiến bộ và tôn trọng quyền con người, quyền công dân của một nhà nước hiện đại, một xã hội văn

minh. Việt Nam ngày càng tiệm cận với thế giới về các chuẩn mực này thì không nên có quy định như thế.

Bên cạnh những điều kiện luật định thì ứng cử viên còn phải đảm bảo thêm một số điều kiện thực tiễn như khả năng thuyết phục của người ứng cử cũng là điều hết sức quan trọng; chương trình hành động thiết thực; những cống hiến thực tiễn; sự lôi cuốn cử tri trong các lần tiếp xúc trực tiếp; sự tâm huyết, nhiệt tình với sự nghiệp dân cử; vị trí, vai trò đảm nhận thực tế; sự gắn bó mật thiết với cử tri, khả năng giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra, cử tri yêu cầu nhưng trên hết là uy tín và sự ảnh hưởng của ứng cử viên sẽ là yếu tố mang tính chất quyết định cho sự lựa chọn của cử tri.

1.2.2. Điều kiện trở thành ứng cử viên theo hướng dẫn của tổ chức Đảng

Riêng đặc thù chính trị của Việt Nam thì tiêu chuẩn người ứng cử còn phải phù hợp với hướng dẫn, chỉ đạo của Đảng. Gần đây nhất là cuộc bầu cử ĐBQH khóa XIV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 51-CT/TW ngày 04 tháng 01 năm 2016 về chỉ đạo cuộc bầu cử ĐBQH khóa XIV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021. Trong đó có quy định “gắn kết quả nhân sự của đại hội đảng các cấp và quy hoạch cán bộ với công tác chuẩn bị nhân sự để những người tiêu biểu, có quan điểm, lập trường chính trị vững vàng, đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, có năng lực, điều kiện thực hiện nhiệm vụ ĐBQH và đại biểu HĐND”. Đồng thời “không đưa vào danh sách ứng cử người có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực; có tư tưởng cục bộ, bảo thủ; đang bị thanh tra, kiểm tra dấu hiệu vi phạm; đã bị các cơ quan có thẩm quyền kết luận không trung thực; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra những vụ, việc tham nhũng, lãng phí, mất đoàn kết nghiêm trọng”. Nếu xem những tiêu chuẩn được quy định theo luật bầu cử là điều kiện “cần” thì những quy định này có phải là điều kiện “đủ” để ứng cử hay không? Tính hợp pháp của chỉ thị này cũng được đặt ra khi chỉ thị của Đảng không là văn bản luật và các ứng cử viên ngoài Đảng có bắt buộc phải chấp hành theo không? Trong lúc vấn đề này được đặt

ra về mặt nghiên cứu lý luận thì thực tiễn của Việt Nam vẫn phải đảm bảo sự hướng dẫn của Đảng trong quá trình ứng cử.

Ngoài ra, hiện nay chúng ta cũng chưa có quy định người Việt Nam định cư ở nước ngoài còn giữ quốc tịch Việt Nam thì có được quyền bầu cử và quyền ứng cử hay không. Điểm này sẽ được phân tích rõ tại chương 2.

Tóm lại, từ các điều kiện nêu trên theo luật định và theo hướng dẫn của tổ chức Đảng, quyền ứng cử ĐBQH và HĐND các cấp tại Việt Nam được xem là gắn liền với kiểu nhà nước hiện đại, gắn liền với quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, là biểu hiện đặc thù của nền dân chủ quốc gia. Quyền này được xem xét trên hai phương thức thực hiện theo quy định của pháp luật bầu cử:

Một là, ứng cử viên được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế ở trung ương và địa phương giới thiệu ứng cử.

Theo quy định hiện hành, nhóm ứng cử viên này bắt buộc phải được “hình thành” từ hội nghị hiệp thương lần thứ nhất. Đối với hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở trung ương, đại diện Ủy ban thường vụ Quốc hội trình bày dự kiến về cơ cấu, thành phần, số lượng người của tổ chức chính trị, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân ở trung ương được giới thiệu ứng cử ĐBQH. Hội nghị thảo luận để thỏa thuận về cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử ĐBQH của cơ quan, tổ chức, đơn vị, bảo đảm số dư người ứng cử, tỷ lệ người ứng cử ĐBQH là phụ nữ, người dân tộc thiểu số theo quy định của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015.

Sau đó, căn cứ vào kết quả hiệp thương lần thứ nhất, Ủy ban thường vụ Quốc hội tiến hành điều chỉnh lần thứ nhất cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử ĐBQH theo quy định tại Điều 40 của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015. Văn bản điều chỉnh được gửi ngay đến Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh tổ chức hội nghị hiệp thương.

Tiếp theo, trên cơ sở điều chỉnh lần thứ nhất của UBTVQH về cơ cấu, thành phần, số lượng người của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giới thiệu ứng cử ĐBQH, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương có trách nhiệm thông báo cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử ĐBQH và hướng dẫn về nội dung, thủ tục, trình tự giới thiệu người ứng cử, làm hồ sơ ứng cử theo quy định của luật bầu cử. Tương tự như vậy là quy trình hiệp thương đối với cơ cấu đại biểu HĐND các cấp.

Hai là, công dân tự ứng cử theo điều kiện, tiêu chuẩn luật định, đây là nhóm không phải trải qua vòng hiệp thương lần thứ nhất. Điều này vừa là một lợi thế, vừa là một bất lợi. Bất lợi là nếu họ được các tổ chức, đơn vị giới thiệu thì phía sau họ luôn có được sự ủng hộ của tổ chức, ngành mà họ đại diện, nhưng ở đây họ “đơn thương độc mã” tự ứng cử thì sẽ không có được lực lượng hậu thuẫn như các ứng cử viên nhóm kia. Họ có lợi thế là không phải qua vòng hiệp thương lựa chọn đầu tiên từ “cơ sở” mà xem như mặc nhiên bước thẳng vào vòng thứ hai nếu hồ sơ họ hợp lệ. Chẳng hạn như, kỳ bầu cử ĐBQH vừa rồi (khóa XIV) sau vòng hiệp thương thứ 2, cả nước có tổng cộng 154 người tự ứng cử trong tổng số người được lập danh sách ở Trung ương và địa phương là 1.146 người (Trung ương 197 người, địa phương 949 người) nhưng cuối cùng chỉ có 11 người được vào danh sách chính thức sau vòng hiệp thương thứ ba [9]. Thông thường, nhóm này được vào vòng “chung kết” là rất ít. Đặc điểm nổi bật nhất của nhóm này, họ thường là người ngoài Đảng.

Về mặt thủ tục, Sau khi hoàn thành hồ sơ, người tự ứng cử gửi hồ sơ về Ủy ban bầu cử cấp tỉnh. Khi Ủy ban bầu cử cấp tỉnh tiếp nhận, nghiên cứu hồ sơ và nhận thấy hồ sơ của người tự ứng cử đã hoàn chỉnh, đủ mọi điều kiện, Ủy ban sẽ chuyển hồ sơ tới Ủy ban MTTQ cùng cấp để nghiên cứu, đưa vào hiệp thương vòng hai. Sau vòng hiệp thương thứ hai, nếu đủ điều kiện, MTTQ sẽ thỏa thuận, hiệp thương và lập danh sách sơ bộ ứng cử viên. Bước tiếp theo, những hồ sơ này sẽ được chuyển về nơi người ứng cử cư trú thường xuyên để lấy ý kiến về họ (cả

người tự ứng cử và người được giới thiệu ứng cử). Sau công đoạn này, toàn bộ hồ sơ được chuyển về ủy ban MTTQ Việt Nam cùng cấp để tiến hành hiệp thương lần ba và thỏa thuận lập danh sách đủ điều kiện, tiêu chuẩn và gửi về Hội đồng bầu cử quốc gia hoặc Ủy ban bầu cử cùng cấp. Sau đó, Hội đồng bầu cử sẽ lên danh sách chính thức ứng viên.

Người tự ứng cử muốn lấy hồ sơ ứng cử có thể thực hiện bằng hai cách: tải trên trang web của Hội đồng Bầu cử Quốc gia hoặc đến Sở nội vụ nơi thường trực của Ủy ban bầu cử cấp tỉnh cầu các địa phương. Căn cứ vào thực tế của nước ta hiện nay, theo người viết, người tự ứng cử cơ bản chia thành 4 nhóm:

- *Nhóm người tự ứng cử có định hướng*: thường là những người có uy tín trong xã hội, trong cộng đồng, ngành nghề họ đang và đã công tác; hoặc là những doanh nhân thành đạt, điển hình. Họ được “mời” tham gia công việc nhà nước bằng hình thức tự ứng cử. Nhóm này có tỉ lệ trúng cử là cao nhất.

Ví dụ: Quốc hội khóa XIII có 04 người tự ứng cử được trúng cử, đều là doanh nhân (bà Châu Thị Thu Nga, ông Hoàng Hữu Phước, ông Nguyễn Minh Hồng, Phan Văn Quý). Quốc hội khóa XIV có 02 người tự ứng cử được trúng cử là Ông Nguyễn Anh Trí, Viện trưởng Viện Huyết học Truyền máu Trung ương (Hà Nội) và ông Phạm Quang Dũng, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần TASCOT (Nam Định) [32].

- *Nhóm người tự ứng cử là những người đã từng giữ các chức vụ quan trọng* hoặc hoạt động trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội...sau khi họ về hưu, họ có thể tham gia các hội, đoàn nghề nghiệp phù hợp và chủ động tự ra ứng cử với tâm thế không bị áp lực trong hoạt động như trước kia, muốn đóng góp công sức cho quê hương. Những người này muốn ứng cử một cách nghiêm túc để hướng tới sự trúng cử.

- *Nhóm người tự ứng cử mang tính chất phản biện với chính quyền*: họ có thể là những nhà nghiên cứu khoa học, những văn nghệ sĩ, những nhà chuyên môn...Họ mong muốn thể chế dân chủ theo kiểu các nước phát triển. Mục tiêu của họ khi tự ứng cử là muốn “lên tiếng” với nhà nước, với xã hội về những vấn đề họ quan tâm

và cho là cần thiết với đất nước. Họ tự ứng cử và tự tuyên ngôn mình sẽ không trúng cử.

- *Nhóm người tự ứng cử mang tính chất ‘nông nổi’* theo xu hướng tôi có quyền, tôi thích thì tôi cứ làm và không quan tâm đến kết quả. Trong nhóm này đan xen những người “dở hơi”, “phá bình” hoặc những người muốn đánh bóng tên tuổi của mình.

Quá trình ứng cử, người tự ứng cử sau khi đã đầy đủ điều kiện cũng bình đẳng như những người được giới thiệu ứng cử, không có sự phân biệt về mặt quy định của pháp luật như: chỉ có hai hình thức vận động bầu cử là qua hội nghị tiếp xúc cử tri do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức và vận động qua các phương tiện thông tin đại chúng chính thống. Với hình thức vận động qua Hội nghị tiếp xúc cử tri, mỗi người ứng cử được dành thời lượng trình bày chương trình vận động bầu cử tương đương nhau. Việc vận động bầu cử qua các phương tiện thông tin đại chúng cũng phải bảo đảm sự bình đẳng, công bằng giữa những người ứng cử.

1.3. Các yếu tố tác động đến việc thực hiện quyền ứng cử ĐBQH và đại biểu HĐND các cấp tại Việt Nam

1.3.1. Nhận thức xã hội về quyền ứng cử

Bản chất quyền ứng cử là quyền tự nhiên, vốn có của con người, của công dân mỗi quốc gia mà mỗi người khi sinh ra và có năng lực chủ thể cũng như đáp ứng đầy đủ các điều kiện luật định thì có họ thể thụ hưởng nó, nhà nước có nghĩa vụ cụ thể hóa để bảo đảm thực hiện bằng pháp luật chứ không là “ban phát” cho công dân quyền này. Ghi nhận, tôn trọng và bảo đảm quyền ứng cử của công dân thuộc về trách nhiệm của nhà nước. Trước tiên phải là sự ghi nhận ở tầm hiến định vì các quy phạm hiến pháp có ý nghĩa to lớn và tầm quan trọng đặc biệt trong xây dựng pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật và bảo vệ pháp luật liên quan đến quyền ứng cử. Tiếp đó là việc tạo điều kiện cho người dân được thực hiện quyền ứng cử một cách hợp pháp và hợp lý trên mọi phương diện thực tế từ cơ chế ứng cử đến quá trình tổ chức cả cuộc bầu cử.

Nhưng trên thực tế, không ít người chưa nhận thức đúng đắn và đầy đủ về quyền ứng cử. Họ còn mơ hồ về ngay chính quyền ứng cử của mình, có người cho rằng đó là một điều gì “xa xỉ” mà mình không với tới được, chuyện ra ứng cử là chuyện xa vời và thuộc về “cán bộ”, thuộc về nhà nước. Chính điều này cũng là một lực cản lớn cho quá trình dân chủ hóa một đất nước, khi ý thức chính trị của người còn chưa nhận thức hết được, chưa tự thực hiện được cũng như chưa tự bảo vệ quyền chính trị quan trọng bậc nhất này. Trong chừng mực nào đấy, họ đã quen với sự chấp nhận và mặc định trong bầu cử. Đây là “lỗi” của người dân và cũng là “lỗi” của chính quyền. Bên cạnh đó, sự chưa cởi mở, động viên, khuyến khích của toàn xã hội trong việc ủng hộ thực hiện quyền ứng cử. Đôi khi, dư luận xã hội sẽ còn có quan điểm việc ra ứng cử của một người nào đó là dở hơi, là gàn, thậm chí là cơ hội và phản động.

Sự nhận thức đúng đắn, đầy đủ, sâu sắc, thống nhất về quyền ứng cử từ giới lãnh đạo, nhà cầm quyền, toàn xã hội và bản thân công chúng sẽ là điều kiện tiên quyết cho quyền ứng cử được thực thi một cách trọn vẹn, dân chủ.

1.3.2. Tổ chức hệ thống chính trị

Thể chế chính trị là loại hình chế độ, cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước mà mỗi quốc gia lựa chọn để quyết định xây dựng những quy định, luật lệ cho một chế độ xã hội mà nhà nước đó sử dụng để quản lý xã hội. Trên thế giới có nhiều dạng thể chế chính trị khác nhau và Hiến pháp là văn bản pháp lý cao nhất của mỗi nước quy định về loại hình chế độ hay thể chế chính trị của nước đó.

Đối với các nước theo mô hình chủ nghĩa xã hội, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Đảng Cộng sản là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội. Vì thế, chế độ bầu cử ở các quốc gia này được thiết kế, vận hành phù hợp với thể chế chính trị này.

Tại Việt Nam, quyền bầu cử là một mắc xích quan trọng để người dân không chỉ trực tiếp thành lập ra các cơ quan quyền lực nhà nước từ trung ương đến địa phương mà còn tự mình tạo cơ hội tham gia vào tổ chức và hoạt động của các cơ quan đó, ứng cử là phương thức quan trọng để nhân dân thực hiện quyền lực của

mình. Điều 6 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, HĐND và thông qua các cơ quan khác của nhà nước.”

1.3.3. Mức độ dân chủ trong thực hiện quyền ứng cử

Thuật ngữ bầu cử ở Việt Nam được cho là gắn mật thiết với khái niệm dân chủ, trong đó những cuộc bầu cử tự do và công bằng là phương thức đảm bảo cho việc tôn trọng các quyền tự do, dân chủ đó. Trong một nền dân chủ, quyền lực của nhà nước chỉ được thực thi khi có sự nhất trí của người dân. Thông qua bầu cử tự do, minh bạch và đúng pháp luật. Ngay tại Điều 3 Hiến pháp năm 2013 cũng đã xác định “Nhà nước bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ về mọi mặt của nhân dân”.

Dân chủ, hay ý chí nhân dân trong bầu cử không chỉ là ý chí nhân dân trong bỏ phiếu mà còn thể hiện trong mọi thủ tục, trình tự tiến hành bầu cử, trong đó có ứng cử. Bầu cử chỉ thực sự tự do và công bằng một khi sự tham gia của cộng đồng xã hội vào bầu cử không bị hạn chế. Ở Việt Nam, hai hình thức ứng cử luật định là tự ứng cử và được đề cử phù hợp với bản chất chế độ chính trị Việt Nam, phát huy được quyền làm chủ của mọi cá nhân và tổ chức trong toàn bộ hệ thống trên phương diện lý luận. Tuy nhiên, trong thực tế còn không ít bất cập. Bất cập lớn nhất là có ít đại biểu dân cử trúng cử do tự ứng cử. Hiện tượng tự ứng cử còn rất ít, không cho phép sự đề cử của cá nhân hoặc nhóm cử tri, trong khi các tổ chức, cơ quan, đơn vị còn chiếm quá nhiều ứng cử viên do những thuận lợi trong định hướng về cơ cấu đại biểu. Điều này tác động không nhỏ đến tính dân chủ trong thực hiện quyền ứng cử của công dân.

1.3.4 Quá trình tổ chức thực hiện quyền ứng cử

Trong bất kỳ nhà nước dân chủ nào, bầu cử luôn là phương thức chính danh để xác định tính hợp pháp cho sự cầm quyền của những người thắng cuộc. Bằng việc Hiến pháp quy định nhân dân có quyền lựa chọn (bằng cách bầu) đại diện của mình hoặc tự mình thực hiện quyền ứng cử để có cơ hội tham gia vào các cơ quan đại diện cho dân ở trung ương và địa phương – với cơ sở này để xác định rằng, nhà

nước được nhân dân trao quyền và nhà nước thực hiện quyền lực. Như vậy, bầu cử là phương thức dân chủ được sử dụng để quyền lực nhà nước được thiết lập ra bởi nhân dân. Trong đó, mức độ dân chủ khi thực hiện quyền ứng cử phải tiến hành theo các nguyên tắc cơ bản của bầu cử; bảo đảm các quyền tự do ứng cử của công dân và tự do vận động bầu cử không trái luật; quy định rõ quy trình, thủ tục, các bước giới thiệu người ứng cử, nhất là khâu “hiệp thương” phải thật rõ ràng, minh bạch ý chí và nguyện vọng của dân, không làm méo mó, thui chột khát vọng dân chủ của dân; tôn trọng quyền của cử tri nơi người ứng cử công tác, cư trú trong việc nhận xét, bày tỏ ý kiến và quyết định của mình đối với người ứng cử, tăng cường tính đối thoại giữa cử tri và ứng cử viên; đảm bảo quyền giám sát cuộc bầu cử và quyền khiếu nại của người ứng cử. Các nguyên tắc bầu cử phải được thể hiện chặt chẽ, thống nhất và xuyên suốt trong toàn bộ quá trình tiến hành bầu cử, bảo đảm cho cuộc bầu cử khách quan, dân chủ.

Tóm lại, ở các nhà nước dân chủ, hiện đại đều xem quyền bầu cử, quyền ứng cử là những quyền chính trị cơ bản nhất của công dân và những quyền này luôn được nhà nước đảm bảo thực hiện trên nhiều phương diện. Nếu như quyền bầu cử được hiểu là khả năng của công dân được nhà nước bảo đảm thông qua những quy định của pháp luật, tham gia vào việc thành lập các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương thì quyền ứng cử là quy định của pháp luật về khả năng công dân thể hiện nguyện vọng của mình được bầu làm đại biểu, cụ thể là quyền chấp nhận sự đề cử của chủ thể khác hoặc tự mình ứng cử khi đáp ứng được những điều kiện nhất định.

Hiện nay, việc bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND của nước ta được tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Đây là những nguyên tắc chung mang tính phổ quát áp dụng cho cả quá trình bầu cử, trong đó có giai đoạn thực hiện quyền ứng cử. Nhưng vì quyền ứng cử là một quyền có tính chất khá đặc thù và dân chủ dành cho người dân trực tiếp tham gia vào việc quản lý nhà nước và xã hội nên cũng cần có những yêu cầu riêng như đảm bảo quyền tự do ứng cử; sự công khai, minh bạch, công bằng, và trung thực trong tổ chức và thực

hiện quyền ứng cử. Bởi lẽ, quyền ứng cử gắn liền với dân chủ trong nhà nước pháp quyền, thể hiện nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, quyền ứng cử phản ánh rõ nhất mức độ dân chủ của mỗi quốc gia.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUYỀN ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội của TP.HCM

Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố lớn nhất Việt Nam về dân số và kinh tế, đứng thứ hai về diện tích, đồng thời cũng là một trong những trung tâm kinh tế và văn hóa, giáo dục quan trọng nhất của Việt Nam. Hiện nay, TPHCM là thành phố trực thuộc Trung ương được xếp loại đô thị loại đặc biệt của Việt Nam. Quốc Hội cũng vừa thông qua Nghị quyết 54/2017 ngày 24/11/2017 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TPHCM trên bốn lĩnh vực: quản lý đất đai, đầu tư, tài chính và ngân sách; cơ chế ủy quyền và thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc thành phố quản lý. Điều này vừa là động lực vừa là thử thách cho thành phố trong quá trình hội nhập, phát triển.

Về vị trí địa lý, TPHCM nằm trong vùng chuyển tiếp giữa Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ, TPHCM ngày nay bao gồm 19 quận và 5 huyện, tổng diện tích 2.095,239 km². Dân số năm 2017 ước tính trung bình trên địa bàn thành phố là 8,611,100 người, tăng 2% so với năm 2016 [8]. Giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, TPHCM chiếm 16,7% GDP cả nước năm 1996, 18% năm 2006 và 21,6% năm 2016. Tốc độ tăng trưởng bình quân hơn 30 năm qua là 10,45% (trong khi tốc độ này của cả nước là 6,6% /năm). Thành phố Hồ Chí Minh cũng là địa phương đóng góp ngân sách lớn nhất cả nước qua các thời kỳ: năm 1996 đóng góp 31,4%; năm 2006 đóng góp 23,8%; năm 2007 đóng góp 28,4%, 2016 đóng góp 27,8% ngân sách cả nước [5]. Hơn nữa, đây còn là đầu tàu phát triển trong mọi lĩnh vực, là trung tâm kinh tế - văn hóa lớn, có lực lượng lao động năng động, sáng tạo, môi trường học tập khai phóng...

Tuy nhiên, hiện nay, TPHCM đang phải đối diện với những vấn đề của một đô thị lớn có dân số tăng quá nhanh cũng như những hệ lụy của nó gây ra. Điều này tạo áp lực không nhỏ lên chính quyền và người dân; đòi hỏi cơ quan đại diện cho người dân phải đủ mạnh, đủ chuyên nghiệp và gần dân để có thể thực hiện tốt chức

năng của mình. Vì thế, các cuộc bầu cử tại địa phương này vừa phản ánh những đặc điểm chung bầu cử của Việt Nam, vừa thể hiện những đặc thù riêng của một thành phố lớn và năng động, đặc biệt là trong thực hiện quyền ứng cử ĐBQH và đại biểu HĐND các cấp luôn sôi động, khác biệt. Nhưng liệu chăng TPHCM có đủ “độ lớn” về sự cởi mở trong việc tổ chức và thực hiện quyền chính trị quan trọng bậc nhất này cho cử tri thành phố hay không hay vẫn không thoát khỏi những hạn chế “có hữu” chung của cơ chế bầu cử cả nước.

2.2. Thực tiễn việc thực hiện quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân từ năm 2011 cho đến nay tại TPHCM

Cơ chế thực hiện quyền ứng cử từ ĐBQH cho đến đại biểu HĐND các cấp cơ bản là như nhau. Nhưng theo quy định của luật và điều kiện thực tế thì tiêu chuẩn, mức độ cạnh tranh trong ứng cử ĐBQH cao và “gắt” hơn nhiều so với việc thực hiện ứng cử vào HĐND các cấp, nhất là cấp xã. Vì thế, trong quá trình nghiên cứu, có những phần người viết tập trung nghiêng về cơ chế ứng cử ĐBQH nhiều hơn để làm rõ tính điển hình.

Trên cơ sở Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001), đó là thời điểm Việt Nam chính thức đưa ra khái niệm về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong Hiến pháp - một cơ sở pháp lý chắc chắn và tốt đẹp để đảm bảo cho quyền ứng cử được tôn trọng và đảm bảo thực thi. Đồng thời, theo thông lệ trước đây các cuộc bầu cử ĐBQH và bầu cử đại biểu HĐND các cấp được tổ chức xen kẽ, cách nhau hai năm rưỡi một lần. Nhưng từ năm 2011, nhà nước ta đã tiến hành sáp nhập hai cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp lại thành một cuộc bầu cử thống nhất trong phạm vi cả nước kể từ kỳ bầu cử ĐBQH khóa XIII và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ (2011-2016). Năm 2016, cả nước đã vừa tiến hành xong cuộc bầu cử ĐBQH khóa XIV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ (2016-2021), đây là những thông tin, số liệu mang tính thời sự và cập nhật mới nhất. Do vậy, người viết tập trung sử dụng số liệu thông qua hai cuộc bầu cử gần đây nhất tại TPHCM để tham khảo nghiên cứu, phục vụ cho đề tài này.

2.2.1. Sơ lược kết quả việc thực hiện quyền ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2011-2016 tại TPHCM

Cuộc bầu cử ĐBQH khoá XIII và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011-2016 được xem là sự kiện chính trị lớn, có ý nghĩa quan trọng đối với nước ta, được tổ chức vào thời điểm triển khai thực hiện các nhiệm vụ mà Cương lĩnh chính trị và Nghị quyết Đại hội XI của Đảng đã đề ra; là thời điểm để tiếp tục xây dựng, củng cố và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tại TPHCM, theo phân bổ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, được bầu 30 ĐBQH. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố đã tổ chức:

+ *Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất*: thỏa thuận cơ cấu, thành phần số lượng người được giới thiệu ứng cử của tổ chức chính trị; tổ chức chính trị-xã hội; tổ chức xã hội; tổ chức kinh tế; đơn vị vũ trang nhân dân; cơ quan nhà nước gồm có 44 người (chưa tính 11 ứng cử viên do Trung ương giới thiệu và những người tự ứng cử). Từ sau Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất, ngoài 41 người được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở tại địa phương và 11 người do Trung ương giới thiệu, còn có 22 người tự ứng cử (so với cuộc bầu cử Quốc hội khoá XII có 101 người tự ứng cử, giảm 79 người, bằng 0,2 lần so với khoá XII).

+ *Hội nghị hiệp thương lần thứ hai*: lập danh sách sơ bộ 63 người (chưa kể 11 người do Trung ương giới thiệu). Như vậy, tổng cộng số người ứng cử là 74 so với số đại biểu được bầu là 30 thì số dư gấp 2,47 lần.

Kết quả các Hội nghị lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm như sau: Đối với người do các cơ quan, đơn vị thành phố giới thiệu: 39 người đã tổ chức lấy ý kiến đều đạt số phiếu tín nhiệm 100%. Đối với người tự ứng cử: 22 người đã tổ chức lấy ý kiến có 02/22 người có số phiếu tín nhiệm đạt 100%; 05/22 người có số phiếu tín nhiệm đạt trên 50%, 14/22 người có số phiếu tín nhiệm dưới 50%. Sau đó, có 04/41 người do các cơ quan, tổ chức, đơn vị của thành phố giới thiệu và 02/22 người tự ứng cử đã gửi đơn xin rút tên không ứng cử ĐBQH khoá XIII.

+ *Hội nghị hiệp thương lần thứ ba*: đã xem xét danh sách 57 người (trong đó có 37 người được các cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu và 20 người tự ứng cử)

và tiến hành bỏ phiếu kín để lập danh sách chính thức giới thiệu người ra ứng cử ĐBQH khoá XIII. Kết quả có 41 người được tín nhiệm trên 50% (trong đó có 37 người do các cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu và 4 người tự ứng cử).

Như vậy, sau Hội nghị hiệp thương lần thứ ba, Trung ương giới thiệu về ứng cử tại thành phố là 10 người (có điều chỉnh giảm 01 người so với phân bổ lần đầu là 11 người), thành phố có 51 người ứng cử để bầu 30 ĐBQH, đảm bảo số dư ở mỗi đơn vị là 2 đến 3 người. Cụ thể, 10 đơn vị bầu cử ĐBQH khóa XIII gồm 09 đơn vị 05 bầu 03 và 01 đơn vị 06 bầu 03 [37, tr. 3-4]

Xét về quyền tự ứng cử ĐBQH của công dân ở khóa này, cuối cùng có 04/22 ứng cử viên (chiếm 18,18%) trong số tự ứng cử được đưa ra cho cử tri bầu trực tiếp. Tuy tỷ lệ này còn khá thấp, nhưng đã bắt đầu cao hơn so với kỳ bầu cử ĐBQH khóa XII vào năm 2007. Khi đó, chỉ có 07 trong số 101 người tự ứng cử tại TPHCM (chiếm 6,93%) lọt vào danh sách chính thức những người ứng cử ĐBQH (không có người tự ứng cử nào trúng cử trong đợt này). Qua các con số này, chúng ta nhận thấy sự gia tăng tỷ lệ người tự ứng cử lọt "vào vòng chung kết" được xuất phát từ nhu cầu dân chủ hóa của xã hội Việt Nam, từ sự thay đổi trong ý thức chính trị của người dân, từ sự cởi mở của chính quyền. Điều này cần thiết ngày càng phải phát huy hơn. Đặc biệt, khóa này đã có một ứng cử viên của TPHCM tự ứng cử được trúng cử là ông Hoàng Hữu Phước.

Tuy nhiên, xét trong kỳ bầu cử ĐBQH khóa XIII, việc chia 09 đơn vị bầu cử có số người ứng cử là 05 và số đại biểu được bầu là 03; riêng đơn vị bầu cử số 6 (Quận Bình Thạnh và quận Phú Nhuận) có số người ứng cử là 06, được bầu 03 đại biểu. Xét về mặt cơ số, việc sắp xếp như vậy là không công bằng cho các ứng cử viên giữa các đơn vị bầu cử khi: có 09 đơn vị bầu cử tỉ lệ về số đại biểu được bầu trên số người ứng cử là 60%); riêng đơn vị bầu cử số 6 (Quận Bình Thạnh và quận Phú Nhuận) tỉ lệ về số đại biểu được bầu trên số người ứng cử là 50%. Suy ra, các ứng cử viên ở đơn vị bầu cử số 6 bị hẹp đường hơn so với các ứng cử viên còn lại. Theo người viết, nguyên nhân của vấn đề này thuộc về kỹ thuật của nhà tổ chức

trong sắp xếp (chỉ mang tính chất tương đối) trên thực tế chứ không phải sự thiếu công bằng do “cơ chế”.

Tổng quan cả nước, trong tổng số 15 người tự ứng cử ĐBQH khóa XIII, có 04 người trúng cử, tăng 03 so với Quốc hội khóa XII. Tuy con số này còn khiêm tốn trong tổng số ĐBQH nhưng có giá trị như những viên gạch đầu tiên cho nền móng của một nhà nước thuộc về nhân dân, của một xã hội dân chủ thật sự sau này. Ngoài ra, việc có 15 người trượt ĐBQH kỳ này trên 182 ứng viên thuộc diện trung ương giới thiệu, trong đó có 07 đại biểu chuyên trách khóa XII (ghi nhận đây là kỳ bầu cử số ứng viên trung ương trượt nhiều nhất cho đến thời điểm đó), trong lúc khóa XII, con số này chỉ là 07 ứng cử viên. Thật ra, theo người viết, đây không phải là vấn đề đáng lo ngại mà ngược lại, đây chính là một tín hiệu tích cực cho việc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN tại Việt Nam khi đã xuất hiện ý chí của người dân khác biệt với “gợi ý” của nhà tổ chức và sự khác biệt này ngày càng được tôn trọng.

Theo danh sách những người ứng cử đại biểu HĐND TPHCM khóa VIII, có 161 ứng cử viên (158 người được các cơ quan, tổ chức giới thiệu và 03 người tự ứng cử) tại 32 đơn vị bầu cử để bầu chọn 95 đại biểu. Giống như việc phân bổ ứng cử viên ĐBQH về các đơn vị bầu cử chỉ mang tính tương đối về tỉ lệ thì đối với các ứng cử viên của đại biểu HĐND thành phố cũng vậy. TPHCM có 28 đơn vị bầu cử có số người ứng cử là 05 và số đại biểu được bầu là 03; có 02 đơn vị bầu cử (gồm đơn vị số 13 là quận 12 và đơn vị số 22 là quận Tân Bình) có số người ứng cử là 04, bầu lấy 02 đại biểu; riêng 01 đơn vị số 24 (quận Tân Phú) có 07 người ứng cử, bầu 04 đại biểu; 01 đơn vị số 27 (huyện Bình Chánh) có 06 người ứng cử, bầu 03 đại biểu [37, tr. 5].

Trong số 95 người trúng cử, về thành phần cơ cấu: nữ có 21 người (chiếm 22,11%); dân tộc Hoa 02 người (chiếm 2,11%); tôn giáo 05 người (01 người Công giáo, 04 người Phật giáo) chiếm tỉ lệ 5,26%; 92 người có trình độ đại học và sau đại học. Số người ngoài Đảng là 10 (chiếm 10,53%), số đại biểu tái cử là 17 (chiếm 17,89%). Về độ tuổi, có 12 đại biểu trẻ dưới 35 tuổi (chiếm 12,63%), từ 35 đến 50

tuổi là 41 người (chiếm 43,16%), và trên 50 tuổi là 42 người (chiếm 44,21%) [37, tr. 5].

Hội nghị tiếp xúc cử tri với những người ứng cử ĐBQH và ứng cử đại biểu HĐND thành phố do Ban Thường trực Ủy ban MTTQ quận - huyện chủ trì. Hết thời gian trên, người ứng cử có thể thực hiện các hình thức vận động bầu cử khác theo quy định pháp luật. Ngoài ra người ứng cử đại biểu tiếp xúc, trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng của thành phố và trên mạng thông tin điện tử về bầu cử của Ủy ban bầu cử (nếu có) để trình bày với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nếu được bầu làm ĐBQH hoặc nếu được bầu làm đại biểu HĐND. Việc vận động bầu cử trên các phương tiện thông tin đại chúng phải kết thúc trước khi bắt đầu cuộc bỏ phiếu 24 giờ. Để tổ chức tốt các hội nghị tiếp xúc cử tri vận động bầu cử, thi: Việc tổ chức các hội nghị tiếp xúc cử tri vận động bầu cử phải được tiến hành công khai, dân chủ, bình đẳng, tạo không khí trao đổi thẳng thắn, cởi mở giữa người ứng cử và cử tri; không được lợi dụng vận động bầu cử để tuyên truyền trái với Hiến pháp và pháp luật hoặc làm tổn hại đến danh dự, uy tín và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác; không biến vận động bầu cử thành nơi để khiếu nại, tố cáo hoặc giải quyết khiếu nại, tố cáo; không được lạm dụng uy tín, chức vụ, quyền hạn trong việc quản lý các phương tiện thông tin đại chúng trong vận động bầu cử; không được lợi dụng vận động bầu cử để vận động tài trợ, quyên góp ở trong nước và nước ngoài cho tổ chức, cá nhân mình; không được sử dụng tiền, tài sản của nhà nước, tập thể và cá nhân để lôi kéo, mua chuộc cử tri; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình vận động bầu cử.

Theo thống kê của nhà tổ chức: Hội nghị tiếp xúc cử tri của những người ứng cử ĐBQH khóa XIII có 123 cuộc với 31.263 cử tri tham dự, bình quân 254 cử tri/cuộc. Tổng số ý kiến phát biểu là 1.217 lượt và hội nghị tiếp xúc cử tri của những người ứng cử đại biểu thành phố khóa VIII có 189 cuộc với 36.343 cử tri tham dự, bình quân 193 cử tri/cuộc. Tổng số ý kiến phát biểu là 1.956 lượt [37, tr. 6].

Bên cạnh đó, kết quả bầu cử đại biểu HĐND xã-thị trấn nhiệm kỳ 2011-2016 tại TPHCM cũng được thống kê rõ ràng: Tổng số cử tri trong danh sách: 894.316 (nam 421.851; nữ 472.165); Tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu: 892.048 (nam 421.151; nữ 470.897); Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với số cử tri trong danh sách: 99,75%. Số đại biểu được bầu: 1.961; Số đại biểu trúng cử: 1.945. Thiếu 16 đại biểu HĐND xã-thị trấn nhiệm kỳ 2011-2016. Trong đó: Bình Chánh thiếu 3 (515/518), Củ Chi thiếu 6 (633/639) và Hóc Môn thiếu 7 (394/401) [37, tr. 9-10].

Kỳ bầu cử này, TPHCM không tiến hành tổ chức bầu cử đại biểu HĐND quận, huyện, phường do TPHCM là một trong các địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 về thực hiện thí điểm không tổ chức HĐND huyện, quận, phường; Theo nghị quyết số 724/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 về danh sách huyện, quận, phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức HĐND huyện, quận, phường. Theo đó, việc thí điểm này được thực hiện trên 67 huyện, 32 quận và 483 phường của 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đó là: Lào Cai; Vĩnh Phúc; Thành phố Hải Phòng; Nam Định; Quảng Trị; Thành phố Đà Nẵng; Phú Yên; Thành phố Hồ Chí Minh; Bà Rịa - Vũng Tàu; Kiên Giang.

2.2.2. Sơ lược kết quả việc thực hiện quyền ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2016-2021 tại TPHCM

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, trên cơ sở triển khai thực hiện các nhiệm vụ mà Cương lĩnh chính trị và Nghị quyết Đại hội XII đề ra. Nhà nước ta đã tiến hành tổ chức cuộc bầu cử ĐBQH khóa XIV và đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2016-2021. Việc triển khai công tác bầu cử lần này có nhiều điểm mới theo Hiến pháp 2013, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014, Luật tổ chức Chính phủ năm 2015, Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015. Chủ trương quyền con người, quyền công dân trong việc tham gia xây dựng bộ máy nhà nước tiếp tục được đề cao. Hội đồng bầu cử quốc gia lần đầu tiên được quy định trong Hiến pháp 2013, là một thiết chế có cơ cấu tổ chức phù hợp nhằm hạn chế những bất cập trong tổ chức,

chỉ đạo, hướng dẫn bầu cử trước đây, đồng thời phát huy hơn nữa quyền làm chủ của nhân dân.

Hiện nay, theo luật bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND năm 2015, các tổ chức phụ trách bầu cử tại Việt Nam gồm có: Hội đồng bầu cử quốc gia (là một thiết chế mới); Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban bầu cử ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban bầu cử ở xã, phường, thị trấn ; Ban bầu cử ở đơn vị bầu cử gồm: Ban bầu cử ĐBQH, Ban bầu cử đại biểu HĐND cấp tỉnh, Ban bầu cử đại biểu HĐND cấp huyện, Ban bầu cử đại biểu HĐND cấp xã; Tổ bầu cử ở khu vực bỏ phiếu.

Trên tinh thần đó, TPHCM cũng đã tiến hành tổ chức thành công kỳ bầu cử quan trọng này. Quy trình, thủ tục đều được triển khai đúng theo luật và theo hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia cũng như cấp ủy. Kết quả có thể tóm tắt như sau: Bầu cử ĐBQH trải qua ba lần hiệp thương nghiêm túc, cụ thể:

+ *Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất*: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TPHCM đã tổ chức để thỏa thuận về số lượng, cơ cấu, thành phần giới thiệu người ứng cử ĐBQH khóa XIV, số lượng ĐBQH kỳ này tại TPHCM được bầu là 30 đại biểu. Trong lần hiệp thương thứ nhất, UBMTTQ Việt Nam TPHCM giới thiệu 46 người ứng cử ĐBQH; Trung ương giới thiệu 14 đại biểu. Tại hội nghị lần này, theo nhu cầu thực tiễn của TPHCM là cần tăng số lượng người ứng cử là nữ, trẻ (dưới 40 tuổi), người ngoài Đảng; tăng thêm số lượng đại biểu cho các doanh nghiệp tư nhân.

+ *Hội nghị hiệp thương lần thứ hai*: đã thống nhất danh sách sơ bộ gồm 90 người ứng cử ĐBQH (42 người được giới thiệu và 48 người tự ứng cử). Tuy nhiên sau đó có 08 người tự ứng cử làm đơn xin rút khỏi danh sách nên số người tự ứng cử chỉ còn 40 người. Như vậy tổng cộng còn 82 người ứng cử ĐBQH. Kết quả lấy ý kiến cử tri nơi cư trú có 52/82 người được cử tri tín nhiệm trên 50%. Về việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác với người tự ứng cử, có 28/40 người tự ứng cử khai có nơi làm việc. Có 11/28 người qua xác minh đã bị từ chối không tổ chức hội nghị lấy ý kiến nơi làm việc vì họ không làm ở đó. Do vậy chỉ còn 17 người được tổ chức lấy

ý kiến. Kết quả lấy ý kiến cử tri nơi làm việc của người tự ứng cử: có 17/17 người đạt tỉ lệ trên 50%. Sau cùng, có 16 người ứng cử rút tên khỏi danh sách. Trong số 74 ứng viên còn lại thì 44/74 người được cử tri nơi cư trú và làm việc tỉ lệ trên 50%.

+ *Hội nghị hiệp thương lần thứ ba*: đã thống nhất lập danh sách gồm 36 người đủ tiêu chuẩn ứng cử ĐBQH khóa XIV để bàn giao cho Ủy ban Bầu cử TP và Hội đồng Bầu cử Quốc gia xem xét, đưa vào danh sách ứng viên chính thức (có 05 người ngoài đảng, 15 nữ; 06 người dưới 40 tuổi; 03 người dân tộc; 02 người đại diện tôn giáo). Trong số này có hai người tự ứng cử là ông Lâm Thiếu Quân, giám đốc Công ty Tiên Phong, ứng viên ngoài Đảng và bà Nguyễn Thị Hồng Chương, cử nhân sư phạm ngành ngữ văn, hiệu trưởng, bí thư chi bộ trường THPT Tân Túc, Bình Chánh. Hội nghị cũng biểu quyết thống nhất không đưa vào danh sách 30 người có tỉ lệ của cử tri dưới 50%, và 8 người có đơn thư phản ánh không đủ tiêu chuẩn ứng cử. Ngoài ra, ông Hoàng Hữu Phước và ông Đặng Thành Tâm - hai ĐBQH khóa XIII - người tự ứng cử đã không nằm trong danh sách ứng cử viên được chọn chính thức [13]. Vậy, sau hội nghị hiệp thương thứ ba, TPHCM có 50 ứng cử viên chính thức bao gồm 11 người do trung ương giới thiệu, 34 người do địa phương giới thiệu và 02 tự ứng cử.

Về kết quả bầu cử, tại TPHCM có 5.241.706 cử tri thực hiện bầu cử, đạt tỷ lệ 99,36%. Trong số 3.208 tổ bỏ phiếu có 2.504 tổ đạt tỷ lệ 100% cử tri tham gia bầu cử. Địa bàn có tỷ lệ cử tri tham gia bỏ phiếu cao nhất là huyện Củ Chi đạt 99,97%. Thông qua bầu cử, TPHCM đã bầu đủ 30 ĐBQH; 105 đại biểu HĐND Thành phố; 943 đại biểu HĐND quận, huyện và 9.310 đại biểu phường xã, thị trấn. Theo Ủy ban Bầu cử TPHCM, riêng số đại biểu cấp phường, xã, thị trấn mặc dù thiếu 37 đại biểu nhưng vẫn đảm bảo đủ số lượng nên TPHCM sẽ không tiến hành bầu lại [10].

2.3. Thuận lợi và hạn chế trong việc thực hiện quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân tại TPHCM

2.3.1. Những mặt thuận lợi trong việc thực hiện quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân tại TPHCM

Thứ nhất, Thành ủy, HĐND, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban bầu cử thành phố đã lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể và kịp thời để triển khai thực hiện tốt cuộc bầu cử.

Thứ hai, tinh thần và ý thức trách nhiệm của cử tri thuộc mọi tầng lớp nhân dân và thành phần xã hội khá cao, có lẽ một phần nhờ vào trình độ cư dân đô thị thường nhỉnh các vùng khác nên quyền bỏ phiếu và quyền ứng cử luôn đạt tỉ lệ cao so với các địa phương khác. Trong suốt quá trình trước, trong và sau ngày bầu cử công tác an ninh chính trị và trật tự xã hội luôn được đảm bảo. Đồng thời, công tác tuyên truyền được triển khai trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng và nhiều hình thức phong phú, đa dạng đến tận hộ dân, cử tri trên địa bàn thành phố. Cụ thể, có 3.192 cuộc tuyên truyền, với 287.281 lượt người tham dự về nội dung Hiến pháp năm 2013, Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, đặc biệt công tác tuyên truyền đã nhấn mạnh, phân tích các đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; tiêu chuẩn ĐBQH, đại biểu HĐND; quyền bầu cử và quyền ứng cử của công dân, trách nhiệm của cử tri trong công tác bầu cử. Công tác tuyên truyền vận động bầu cử được thực hiện bằng nhiều hình thức, nội dung đa dạng, phong phú như tổ chức hội thi tìm hiểu về bầu cử, biểu diễn văn nghệ, các buổi liên hoan truyền thông tuyên truyền cho quần chúng nhân dân và trên các tuyến đường, các nơi công cộng, tạo nên bầu không khí vui tươi, phấn khởi cho ngày hội của toàn dân [38].

Thứ ba, công tác nhân sự được triển khai chặt chẽ thông qua các bước, quy trình hiệp thương do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố tổ chức chặt chẽ, đúng luật, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng một cách tuyệt đối và toàn diện. Công tác tổ chức bầu cử được triển khai nghiêm túc từ thành phố đến quận-huyện,

phường-xã, thị trấn, khu vực bỏ phiếu. Nhìn chung trong khâu tổ chức, việc vận động, tuyên truyền luôn được thực hiện đúng luật, cơ bản bảo đảm công bằng (một cách tương đối) giữa những người ứng cử. Các ứng cử viên đều có sự chuẩn bị chu đáo, nghiêm túc, nắm bắt tình hình, điều kiện cụ thể của địa phương để xây dựng chương trình hành động của mình và thể hiện được quyết tâm thực hiện khi được trúng cử. Mỗi ứng cử viên ĐBQH, đại biểu HĐND xếp tên theo thứ tự a, b, c được dành thời gian khoảng 5 phút đến 7 phút để trình bày chương trình hành động. Các hội nghị diễn ra cởi mở, không vượt ra ngoài mục đích, yêu cầu của hội nghị gặp gỡ, tiếp xúc. Qua các cuộc tiếp xúc, cử tri và nhân dân nơi tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri có điều kiện hiểu rõ hơn về người ứng cử ĐBQH, người ứng cử đại biểu HĐND. Ngoài tham dự hội nghị tiếp xúc với cử tri, các ứng cử viên ĐBQH và đại biểu HĐND còn trình bày chương trình hành động và trực tiếp trả lời trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương nơi mình ứng cử. Nhiều cơ quan thông tấn, báo chí đã dành thời lượng, dung lượng hợp lý để phỏng vấn, đăng tải chương trình hành động của các ứng cử viên và thời lượng đưa tin là như nhau.

Thứ tư, TPHCM là một trong số ít các địa phương ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lập danh sách cử tri, báo cáo tiến độ bầu cử, tổng hợp kết quả bầu cử đã thành công, góp phần cho việc nắm bắt tình hình và tổ chức bầu cử đạt kết quả tốt.

Thứ năm, về mặt thực tế, các ứng cử viên dù được đề cử hay tự ứng cử - phần đông đều là những người có trình độ văn hóa cao (chủ yếu đại học và trên đại học: kỳ bầu cử khóa năm 2011, số ứng cử viên trúng cử ĐBQH có trình độ trên đại học là 14, có trình độ đại học là 16 người trong tổng số 30; Số ứng cử viên trúng cử đại biểu HĐND thành phố có trình độ trên đại học và trình độ đại học là 92/95 đại biểu) [37, tr. 9]. Hơn nữa, họ được sống và công tác trong một môi trường năng động, cởi mở nên cách tư duy và tinh thần làm việc của họ cũng mạnh mẽ và thoáng hơn. Bên cạnh đó, dân cư tập trung, cử tri là nhóm người đô thị nên phản ứng và sự tương tác khá nhanh nhẹn với ứng cử viên giúp cho sự tiếp cận, thăm dò dư luận xã hội và người dân của các ứng cử viên khá dễ dàng, thuận lợi.

Theo nhận xét cá nhân người viết, trên nền tảng là thành phố đông dân và năng động trong nhiều lĩnh vực; tư duy chính trị cởi mở của lãnh đạo thành phố; điều kiện dân cư tập trung, giao thông thuận lợi; người dân với khí chất Nam bộ phóng khoáng (ít phân biệt vùng miền) đã giúp cho các ứng cử viên có vẻ dễ dàng và “nhẹ nhàng” hơn so với một số địa phương khác (tính cục bộ cao hơn) trong việc thực hiện quyền ứng cử.

2.3.2. Những mặt hạn chế trong việc thực hiện quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân tại TPHCM

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản vừa nêu thì thể chế bầu cử ở nước ta nói chung và TPHCM nói riêng cũng bộc lộ một số hạn chế như:

Một là, quá nhấn mạnh tính tập trung, thống nhất. Số lượng ĐBQH hoặc HĐND chủ yếu được bầu theo dự kiến, định hướng. Điều này thể hiện được sự thống nhất, bảo đảm cơ cấu, nhưng ảnh hưởng đến chất lượng đại biểu, không phát huy được tính tích cực của người dân trong ứng cử. Vì cơ cấu, nên có nhiều đại biểu được bầu có thể vẫn đủ phẩm chất, tư cách nhưng lại không hẳn là đại biểu xứng đáng nhất của nhân dân; có người được cấp ủy giới thiệu nhưng cử tri không bầu; đại biểu có thể được cử tri bầu thì không được giới thiệu hoặc công nhận.

Cho nên, cần bỏ tư duy tỉ lệ, không hẳn cứ chiếm bao nhiêu phần trăm dân số thì phải có tỉ lệ tương ứng trong cơ quan đại diện của dân bấy nhiêu. Quan trọng là làm được gì cho dân. Đôi khi cần chấp nhận sự bất hợp lý về tính đại diện trong một biên độ giới hạn nào đó để hướng đến kết quả và hiệu quả hoạt động tốt hơn của cả thể chế. Tất nhiên tính đại diện cũng chỉ mang tính chất tương đối mà quan trọng là năng lực đại biểu ấy trên mọi phương diện chứ không chỉ chuyên môn của mình. Dẫu biết rằng, hình ảnh tiêu biểu, tiếng nói của lĩnh vực quan trọng là cần thiết. Sự xuất hiện là đúng và cần thiết, nhưng cuối cùng là chính con người cụ thể đó có năng lực làm đại biểu hay không chứ không chỉ đơn thuần là giỏi chuyên môn trong lĩnh vực của mình.

Hai là, quy trình hiệp thương vẫn còn nặng nề, chưa mở rộng và tạo điều kiện tốt nhất cho việc thực hiện quyền ứng cử. Cử tri và nhóm cử tri chưa có quyền

giới thiệu được người mình tín nhiệm cũng như không được trực tiếp loại bỏ sơ bộ các ứng cử viên, công việc này được thực hiện bởi Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện ban lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận, đại diện Ủy ban bầu cử, Thường trực HĐND, Ủy ban nhân dân cùng cấp (theo khoản 1, Điều 50 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015). Như vậy, trong thể chế bầu cử của nước ta, cử tri chỉ được thể hiện ý nguyện của mình qua thao tác chính là bỏ phiếu (đầu ra), chỉ được bày tỏ tín nhiệm đối với những người đã có sẵn trong danh sách.

Trong hiệp thương không chỉ mâu thuẫn giữa cơ cấu và chất lượng mà còn quy định về số dư hạn hẹp. Nếu như, Điều 42 Luật bầu cử đại biểu HĐND năm 2003 quy định: "Số người ứng cử đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử phải nhiều hơn số đại biểu được bầu ở đơn vị đó ít nhất là hai người" trên thực tế, các đơn vị bầu cử đều dừng lại số dư ở mức tối thiểu là hai người. Nay, Điều 58 khoản 3 Luật bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND năm 2015 có quy định chi tiết hơn một chút về số người trong danh sách ứng cử đại biểu HĐND ở mỗi đơn vị bầu cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử đó; nếu đơn vị bầu cử được bầu ba đại biểu thì số người trong danh sách ứng cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu ít nhất là hai người; nếu đơn vị bầu cử được bầu từ bốn đại biểu trở lên thì số người trong danh sách ứng cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu ít nhất là ba người. Quy định của luật hiện hành chỉ rõ hơn chứ chưa mở và thoáng hơn được, chưa tạo điều kiện tốt nhất cho cử tri trong việc lựa chọn. Trong lúc nhìn lại lịch sử cuộc bầu cử Quốc hội đầu tiên của nước ta, Hà Nội có hơn 60 ứng cử viên nhưng chỉ bầu có 06 đại biểu nên các đại biểu thực sự là "tinh tú", chất lượng. Vì thế, để tăng khả năng người dân thực sự lựa chọn, cần phải tăng số dư của các đơn vị bầu cử, đồng nghĩa là tăng tỉ lệ ứng cử viên trên tổng số lượng đại biểu được bầu.

Trong quá trình hiệp thương, tổ chức hội nghị cử tri là một khâu quan trọng nhưng trên thực tế, trong cùng một buổi tiếp xúc, một số nơi dồn cả bốn cuộc tiếp xúc cử tri từ ứng cử viên ĐBQH đến đại biểu HĐND cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

Điều này là không nên, vì Luật bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND năm 2015 quy định khá rõ tại Điều 66 về “Hội nghị tiếp xúc cử tri”: Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân ở đơn vị bầu cử tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho những người ứng cử ĐBQH, ứng cử đại biểu HĐND cấp tỉnh; Mặt trận Tổ quốc cấp huyện, cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tại đơn vị bầu cử tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho những người ứng cử đại biểu HĐND cấp mình. Thành phần tham dự hội nghị tiếp xúc cử tri gồm đại diện các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cử tri ở địa phương.” Hơn nữa, tổ chức như thế sẽ bị hạn chế về thời gian và quá trình triển khai thường bị lập cập, nhón nháo, không tập trung. Trọng tâm là các ứng cử viên chỉ kịp trình bày (dưới dạng đọc) về chương trình hành động của mình, cử tri chưa kịp tìm hiểu kỹ thì phải chuyển cho ứng cử viên khác do bị khống chế về thời gian. Dẫu biết rằng, tập trung tổ chức một buổi cho tất cả ứng cử viên bốn cấp là đáp ứng được tiêu chí tiết kiệm về tài chính, nhân lực và cả thời gian của cử tri nhưng trong mối tương quan với kết quả thu được của buổi tiếp xúc đó thì thật dở dang, chỉ thỏa mãn được số lượng cuộc tiếp xúc cử tri chứ chất lượng từng buổi tiếp xúc thì kém.

Theo ý kiến không chính thức của ĐBQH khóa XIV Trương Thị Bích Hạnh (do người viết trực tiếp trao đổi chứ không thông qua một tuyên ngôn báo chí của đại biểu) là nên tách bạch hai cuộc tiếp xúc cử tri riêng biệt theo như quy định của luật: một là dành cho nhóm ứng cử viên ĐBQH và đại biểu HĐND cấp tỉnh; hai là dành cho nhóm ứng cử viên đại biểu HĐND cấp huyện và đại biểu HĐND cấp xã. Có như thế mới tăng cường sự trao đổi, chất vấn thông tin từ ứng cử viên với cử tri cũng như cử tri có cơ hội thực tế quan sát, đánh giá các “kỹ năng mềm” của từng ứng cử viên hơn, tính đối thoại giữa ứng cử viên và cử tri được chú trọng hơn, xác thực hơn. Nhưng thực tế còn bị hạn chế do: thời gian hạn hẹp, có những nơi cử tri quá chuyên nghiệp, biết cần phát biểu cái gì và đến đâu hoặc lại có dạng cử tri của khiếu kiện thì chỉ nêu riêng vấn đề của mình như đang trình bày với cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết. Điều này dễ làm loãng đi mục đích chính của Hội nghị cử tri.

Theo sự quan sát của người viết, tỷ lệ cử tri tham gia "Hội nghị cử tri" còn thấp, thành phần cử tri thường mang tính "đặt hàng". Mặt nào đó, điều này hạn chế sự tham gia và quyết định của cử tri đích thực và đích thực của cử tri. Như vậy, chỉ có một tỷ lệ nhỏ cử tri thuộc đơn vị bầu cử tham gia thực hiện việc biểu quyết. Nếu phân tích về quy định pháp luật và diễn biến thực tế Hội nghị cử tri diễn ra như thế thì sẽ tạo ra sự bất bình đẳng giữa các ứng cử viên với nhau, đặc biệt là nhóm người tự ứng cử. Qua xem xét một số văn bản của các cơ quan tham gia tổ chức bầu cử tại TPHCM, người viết nhận thấy có quy định của Sở Nội vụ thành phố tại Hướng dẫn số 534/HD-SNV ngày 06 tháng 5 năm 2011 về việc tổ chức mạn đàm về tiểu sử những người ứng cử ĐBQH khóa XIII, đại biểu HĐND thành phố khóa VIII và đại biểu HĐND xã-thị trấn nhiệm kỳ 2011-2016 “Chương trình Hội nghị: Tổ trưởng Tổ dân phố, Trưởng ấp giới thiệu tiêu chuẩn của ĐBQH và đại biểu HĐND; Đọc tiểu sử của những người ứng cử...*Chú ý: Tổ trưởng dân phố, Trưởng ấp cần có sự chuẩn bị và tổ chức những cán bộ đoàn thể, những cử tri nòng cốt để trao đổi, đảm bảo cuộc mạn đàm đi vào trọng tâm và đạt yêu cầu, mục đích đề ra, nhằm đảm bảo cho cử tri có điều kiện xem xét, lựa chọn những người tiêu biểu có đủ đức, đủ tài bầu vào Quốc hội và HĐND các cấp.*” Sự hướng dẫn này mang tính kỹ thuật của nhà tổ chức, cần thiết để góp phần đảm bảo tính cơ cấu và kết quả mong muốn nhưng liệu chẳng sự hướng dẫn này có đi ngược lại nguyên tắc tự do, khách quan trong bầu cử?

Ba là, quyền tự ứng cử. Về mặt pháp lý, quyền này vẫn chưa được quy định cụ thể và chặt chẽ. Về mặt chủ trương, thể chế và tâm lý xã hội vẫn chưa thật sự sẵn sàng cho các cá nhân tự do ứng cử. Cơ cấu cho đại biểu tự ứng cử rất thấp. Trong điều kiện một chính Đảng, việc không cho phép hoặc không khuyến khích đảng viên tự ứng cử có thể xem là một hạn chế, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền công dân của Đảng viên hay không? Bên cạnh đó, việc giới thiệu ứng cử viên hay đưa người ra ứng cử là một giai đoạn quan trọng trong tiến trình bầu cử, vì cử tri chỉ được lựa chọn bầu trong số những ứng cử viên là đại diện cho mình.

Rõ ràng những quy định về người tự ứng cử chưa rộng mở. Cơ cấu đại biểu tự ứng cử còn thấp, chưa tạo điều kiện cho người được đề cử và cả người tự ứng cử có cơ hội bình đẳng như nhau. Điềm qua, tỉ lệ trúng cử ĐBQH của những người tự ứng cử trong cả nước ở các nhiệm kỳ gần đây là rất thấp: Khóa XII là 01 người (0,2%); Khóa XIII là 04 người (0,8%); Khóa XIV là 02 người (0,4%) [42]. Có nhiều người tự ứng cử, ở nơi cư trú và nơi công tác, họ đều nhận được tỷ lệ ủng hộ cao, có người đạt đến 100% sự tín nhiệm của cử tri nhưng qua đến vòng hiệp thương lần ba lại bị trượt. Như thế các vòng lấy tín nhiệm ở địa phương không có nhiều ý nghĩa, kết quả về quyết định của cử tri dễ bị lần hiệp thương thứ ba này “phủ định”. Vai trò của lần hiệp thương lần thứ ba lúc này như một “chốt chặn” cuối của quy trình bầu cử.

Số lượng người nộp đơn tự ứng cử vào cơ quan dân cử tại TPHCM hầu như khóa nào cũng là con số cao nhất. Ví dụ: khóa XII có 101 hồ sơ tự ứng cử [33]; khóa XIII có 22 hồ sơ tự ứng cử [37, tr.4]; khóa XIV có 50 hồ sơ tự ứng cử [36]. Nhưng tỉ lệ trúng cử thì dường như quá ít ỏi, chỉ có khóa XIII là có một người trúng cử với tư cách là người tự ứng cử của địa bàn TPHCM. Rõ ràng, kết quả này dễ làm nản chí và “mai một” tinh thần tự ứng cử của người dân trong một chừng mực nào đó, họ có thể nghĩ mình chỉ hoài công vô ích, đường vào cơ quan dân cử thông qua quyền tự ứng cử có vẻ quá xa xôi.

Một thực tế khác, để góp phần đảm bảo tỷ lệ đại diện của mình trúng cử cao, các đơn vị, tổ chức giới thiệu ứng cử viên, ví dụ như Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội đồng dân tộc... và các tổ chức, cơ quan trong cùng hệ thống đó ở các cấp đều có tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng ứng cử cho ứng cử viên của tổ chức mình. Vậy, tổ chức nào sẽ tập huấn thêm cho các ứng cử viên tự do ngoài các buổi tập huấn, hướng dẫn chung của Mặt trận tổ quốc hay ở họ luôn có một sự “cô đơn” trong suốt quá trình ứng cử. Cho nên, đặt ra sự công bằng giữa các ứng cử viên được đề cử và tự ứng cử ở đây là cần thiết, theo ý kiến chủ quan của người viết.

Ngoài ra, hai khóa gần đây, trong danh sách ứng cử viên chính thức của cả nước và của TPHCM không có Việt kiều nào (người mang quốc tịch một nước khác

nhưng vẫn còn giữ quốc tịch Việt Nam) ứng cử ĐBQH với lý do đơn giản là luật chưa quy định về trường hợp này. Thực tế, những người nói trên khi họ đạt những thành tựu nhất định trong các lĩnh vực khoa học, kinh tế, nghệ thuật... ở các nước mà họ định cư. Nay, họ muốn quay về đóng góp cho quê hương thì thông thường họ không màng đến chính trị, họ thường thông qua các kênh đầu tư chính thống, hoặc làm việc theo sự kêu gọi và tạo điều kiện của nhà nước Việt Nam trong các hội theo dạng hội khoa học, hội hữu nghị rất hiếm người muốn tham gia vào ứng cử. Nhưng nếu có một người muốn ứng cử thì sẽ giải quyết ra sao? Lại bằng con đường động viên, giải thích, thuyết phục họ thôi không nên ứng cử hay vẫn để cho họ tự ứng cử rồi lại không thể “lọt” qua vòng hiệp thương thứ ba rất đúng quy trình (?) như trường hợp Giáo sư, tiến sĩ Nguyễn Đăng Hưng đã tự ứng cử ĐBQH khóa XII tại TPHCM. Theo người viết, đây là khoảng trống về mặt pháp lý cũng như thực tiễn trong đảm bảo thực hiện quyền ứng cử.

Bốn là, việc phân bổ các ứng cử viên ĐBQH giữa Trung ương và địa phương có nơi trong một đơn vị bầu cử còn chưa đảm bảo tính hợp lý, chưa bảo đảm sự bình đẳng giữa các ứng cử viên, thể hiện rõ sự chênh lệch về trình độ, năng lực, vị trí công tác của các ứng cử viên. “Thực tế, việc sắp xếp bố trí ứng viên hiện không ổn, chưa công bằng và chính những người tự ứng cử đang là “quân xanh”. Tất nhiên, sẽ cần một quá trình để thay đổi nhưng tôi tin qua mỗi kỳ bầu cử, chắc chắn sự tiến bộ sẽ tăng lên. Nếu người tự ứng cử khẳng định được chất lượng của mình như người được giới thiệu thì sẽ bình đẳng, không có chuyện quân xanh quân đỏ. Đồng thời, qua mỗi kỳ bầu cử số người tự ứng cử sẽ tăng lên, tỷ lệ trúng cử nhiều hơn, chứ không chỉ tham gia hình thức.” Trích lời Ông Lê Truyền người tham gia các cuộc bầu cử với tư cách là người bầu cử, nay tham gia là người tự ứng cử [12].

Ví dụ: bầu cử ĐBQH khóa XIV, đơn vị bầu cử số 10 tại TPHCM gồm quận 8 và huyện Bình Chánh có 05 ứng cử viên với thông tin sơ lược như sau: 1. Ông Trần Hoàng Ngân là Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa X, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Học viện Cán bộ TPHCM; Phó Giáo sư, Tiến sĩ Kinh tế, ĐBQH Khóa XIII; 2. Ông Phan Thanh Bình là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng

khóa XI, khóa XII, Giám đốc Đại học Quốc gia TP HCM; 3. Ông Ngô Minh Châu là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ TP HCM, Phó Giám đốc Công an TP HCM; 4. Bà Nguyễn Thị Hồng Chương là: Hiệu trưởng Trường THPT Tân Túc - Bình Chánh; 5. Bà Lã Thị Lan là phó Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp TP HCM và người ngoài Đảng [14]. Tuy kết quả của hai ứng cử viên không trúng cử là bà Nguyễn Thị Hồng Chương và Lã Thị Lan không quá thấp nhưng quan sát về địa vị xã hội, trình độ học vấn, kinh nghiệm chính trị, vị trí công tác thì rõ ràng có sự chênh lệch không hề nhỏ giữa các ứng cử viên, chưa kể có ứng cử viên như ông Ngô Minh Châu còn có lợi thế được ứng cử ngay tại “sân nhà”. Điều này, dễ dẫn đến sự hoài nghi của dư luận về vấn đề “quân xanh, quân đỏ” trong ứng cử.

Năm là, về việc vận động bầu cử, mặc dù trong luật bầu cử có quy định về nguyên tắc vận động, hình thức, thời gian vận động, các hành vi bị cấm trong quá trình vận động. Tuy nhiên, những quy định đó vẫn còn chung chung, nhất là về cách thức, số lượng các cuộc tiếp xúc, chưa có tiêu chí đánh giá sự công bằng, bình đẳng giữa các ứng cử viên. Bên cạnh đó, chưa có cơ chế phát hiện và xử lý những trường hợp vận động bầu cử vi phạm quy định về vận động bầu cử (nếu có). Luật chỉ quy định hình thức vận động bầu cử chính thức là vận động qua hội nghị cử tri do Mặt trận Tổ quốc tổ chức. Tại đó những người giới thiệu ứng cử sẽ trình bày chương trình hành động của mình, sau đó cử tri phát biểu, chất vấn, đại biểu sẽ có những lời hứa tại đó. Hình thức thứ hai là qua các phương tiện thông tin đại chúng chủ yếu tại địa phương với thời lượng xuất hiện như nhau. Hai hình thức này rõ ràng là khá khô khan, không thu hút, hấp dẫn được người bỏ phiếu. Nhưng hiện nay, người ứng cử có quyền vận động bầu cử qua mạng xã hội hay không? Về mặt pháp lý, luật không cấm. Vậy, nếu các ứng cử viên tự do vận dụng hình thức này thì việc giám sát sẽ ra sao?

Trên thực tế, thông thường, cử tri thường trực tiếp hay gián tiếp tìm hiểu người ứng cử qua chương trình hành động khi tiếp xúc hay thông qua phương tiện thông tin đại chúng. Vận động bầu cử không kéo dài, chỉ tập trung ngay sau Hội nghị hiệp thương lần ba khoảng hơn hai tuần. Ngắn ấy thời gian cho vận động bầu

cử; cho những tương tác đầu tiên giữa người ứng cử và cử tri là khá ít ỏi. Trong các cuộc bầu cử, chưa cho phép có các cuộc vận động tranh cử và cũng thiếu các chế định cho việc vận động tranh cử.

Thông thường, các ứng cử viên sẽ xác định “nhóm” cử tri của mình (có thể là quan hệ phụ thuộc, quan hệ lợi ích, quan hệ tình cảm) để tranh thủ lá phiếu của cử tri. Ví dụ: ứng cử viên là thành phần đại diện cho người lao động, ngay lập tức họ sẽ vận động chính thức hoặc hành lang trong cả hệ thống của họ, họ vận động trong không gian, phạm vi, đối tượng chịu sự tác động của mình. Cụ thể như, ứng cử viên là đại diện liên đoàn lao động tỉnh: họ vận động “hành lang” không chính thức đến liên đoàn lao động các cấp, các ngành trong tỉnh thuộc đơn vị bầu cử nơi ứng cử viên đó có tên trong danh sách, họ hướng đến nhóm người lao động, giới công nhân...

Ngoài ra, trong một cuộc bầu cử, các tổ chức phụ trách bầu cử phải được thành lập đúng trình tự, thủ tục, thời gian, số lượng và thành phần để góp phần triển khai các công tác bầu cử kịp thời, bảo đảm tiến độ và đúng luật. Tuy nhiên, tổ chức, hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử theo quy định hiện nay còn tồn tại một số hạn chế như thành phần của các tổ chức phụ trách bầu cử chưa có sự tham gia của đại diện khối cơ quan tư pháp, các tổ chức xã hội- nghề nghiệp. Bên cạnh đó, việc có một số ứng cử viên lại là các thành viên của Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh. Điều này được cho là chưa thực sự phù hợp với yêu cầu của cuộc bầu cử khách quan, công bằng và bình đẳng. Hiện nay, luật bầu cử quy định ứng cử viên phải kê khai tài sản là một việc cần thiết, đây là cách tốt nhất để minh bạch tài sản của bất cứ người nào tham gia ứng cử, phải rõ ràng tài sản đó có từ đâu. Không phải chỉ công chức nhà nước mới phải kê khai, mà cả những người ứng cử không làm trong các cơ quan nhà nước, như người dân, người hoạt động trong các tổ chức, doanh nghiệp cũng phải kê khai. Nhưng vẫn còn giới hạn ở việc ứng cử viên tự kê khai và tự chịu trách nhiệm về tính trung thực chứ chưa phải là công khai, khi đa phần ứng cử viên là là người đang hoạt động trong bộ máy nhà nước. Điều này là cần thiết nhưng lại nửa vời, theo người viết.

Tóm lại, với sự phát triển của nhân loại, nhận thức được quyền lực chính trị của mình, người dân ngày càng đòi hỏi phải được tham gia giải quyết công việc nhà nước. Họ được bình đẳng trong lĩnh vực chính trị, tức là tự do chính trị. Sự tham gia này luôn được thể hiện dưới hai hình thức: dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp. Hình thức dân chủ trực tiếp hiện nay ở Việt Nam là nhân dân trực tiếp giải quyết các công việc của nhà nước như phúc quyết các vấn đề quan trọng của quốc gia, bỏ phiếu khi nhà nước trưng cầu dân ý... Nhìn chung còn áp dụng hạn chế do nhiều nguyên nhân. May mắn thay, trong hình thức dân chủ gián tiếp có cơ chế thực hiện quyền ứng cử được xem là một “kênh” để người dân có thể trực tiếp tham gia vào hoạt động của bộ máy nhà nước góp phần thực hiện các công việc của nhà nước. Nhưng để thực hiện được quyền này đúng theo bản chất của nó thì là một điều không dễ dàng và suông sẻ.

Thực tiễn TPHCM trong bầu cử luôn là một thực tiễn sôi động, nhiều màu sắc. Thông qua hai kỳ bầu cử gần đây nhất được tổ chức vào năm 2011 và năm 2016, chúng ta dễ dàng nhận thấy những ưu điểm cũng như hạn chế trong quá trình thực hiện quyền ứng cử của công dân một cách khá rõ ràng và điển hình. Từ đó, có thể xem đó cơ sở đề xuất những giải pháp nhằm hướng đến việc đảm bảo cho quyền ứng cử một cách trọn vẹn và thực chất hơn.

Bảng 2.1 Bảng so sánh số lượng người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XIV tại tỉnh Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh

Địa Phương	Tổng số người ứng cử			Tổng số người trúng cử		
Bình Dương ⁽¹⁾	15			09		
	Trung ương giới thiệu	Địa phương giới thiệu	Tự ứng cử	Trung ương giới thiệu	Địa phương giới thiệu	Tự ứng cử
	04	11	0	04	05	0
TP.HCM ⁽²⁾	50			30		
	14	34	02	07	23	0

Nguồn: (1) Báo cáo của UBBC tỉnh Bình Dương ngày 24/05/2016 về tình hình kết quả sơ bộ cuộc bầu cử ĐBQH Khóa XIV và ĐB HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

(2) Báo cáo tổng kết Công tác Mặt trận tham gia cuộc bầu cử ĐBQH khóa XIV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 – 2021 của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam TPHCM năm 2016.

Bảng 2.2. Bảng thống kê số lượng người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và khóa XIV tại Thành phố Hồ Chí Minh

Đơn vị tính: người

Khóa	Tổng số người ứng cử			Tổng số người trúng cử		
	KHÓA XIII ⁽¹⁾	51			30	
Trung ương giới thiệu		Địa phương giới thiệu	Tự ứng cử	Trung ương giới thiệu	Địa phương giới thiệu	Tự ứng cử
10		37	04	07	22	01
KHÓA XIV ⁽²⁾	50			30		
	14	34	02	07	23	0

Nguồn (1) Báo cáo số 80/BC- UBBC về “Tổng kết công tác bầu cử ĐBQH khoá XIII, bầu cử đại biểu HĐND thành phố khóa VIII và đại biểu HĐND xã-thị trấn nhiệm kỳ 2011-2016 ngày 22/5/2011” của Ủy ban bầu cử TPHCM ngày 16 tháng 6 năm 2011.

(2) Báo cáo tổng kết công tác Mặt trận tham gia cuộc bầu cử ĐBQH khóa XIV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 – 2021 của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam TPHCM năm 2016.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUYỀN ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP

3.1. Nhu cầu đảm bảo quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân ở nước ta

3.1.1. *Bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực thuộc về nhân dân*

Bầu cử là một định chế cốt yếu của mọi nền dân chủ. Bầu cử là một trong các biện pháp thành lập ra bộ máy nhà nước, cho phép chúng ta xác định được nguồn gốc, bản chất, mức độ dân chủ của mỗi nhà nước. Quyền lực của nhà nước chỉ xuất phát từ sự tham gia của nhân dân dưới nhiều hình thức trong bầu cử. Bầu cử gắn liền với dân chủ, như là một trong những biểu hiện quan trọng của nhà nước dân chủ. Bầu cử như là một trong những phương thức khẳng định tính hợp pháp của chính quyền. Quyền lực nhà nước không thể ở cõi hư vô, mà phải có nguồn gốc xuất phát từ nhân dân. Bầu cử trở thành hình thức thể hiện quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

Cho đến hiện nay ở các nước dân chủ tư sản cũng như ở các nước dân chủ xã hội chủ nghĩa, bầu cử nói chung được sử dụng một cách rộng rãi như là một biện pháp nhân dân trao quyền lực nhà nước cho các cơ quan nhà nước, trong đó quyền ứng cử trở thành một hình thức hoạt động quan trọng của xã hội dân chủ, một phương pháp phổ biến nhất hiện nay để người dân góp phần thực hiện nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Với tầm quan trọng như vậy, quyền ứng cử trở thành một yếu tố không thể thiếu được trong các chế độ xã hội dân chủ đương đại, góp phần không nhỏ cho việc xây dựng xã hội tốt đẹp hơn. Với phương pháp này chính quyền được hình thành là một chính quyền hợp pháp và có “gốc” từ dân.

3.1.2. *Xuất phát từ nhu cầu dân chủ hoá xã hội*

Đối với nước ta, nhu cầu mở rộng dân chủ hóa đời sống xã hội, nhằm tạo lập được môi trường xã hội thuận lợi, tạo sự “đồng thuận” và “niềm tin” trong xã hội để thực hiện quyền lực chính trị của nhân dân lao động. Một môi trường dân chủ thực sự là người dân làm chủ trên thực tế về mọi mặt của đời sống xã hội. Điều 6 Hiến

pháp Việt Nam năm 2013 quy định: “Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, HĐND và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước”. Những quy định này cho thấy, quyền công dân cần phải được ghi nhận, đảm bảo thực hiện trên những nền tảng của chế độ dân chủ và chủ quyền nhân dân. Thiếu vắng dân chủ và chủ quyền nhân dân thì những ghi nhận về nhân quyền, dân quyền, trong đó có quyền ứng cử khó có thể đi vào hiện thực. Xu hướng xã hội càng phát triển, thì nhu cầu dân chủ ngày càng cao. Công bằng, bình đẳng, tự do, minh bạch, trung thực không chỉ tạo ra sự đồng thuận xã hội mà còn là các yêu cầu cần phải có để đảm bảo việc thực hiện quyền ứng cử của người dân trong nhà nước pháp quyền.

Về lý thuyết, khi quyền lực và ý chí của nhân dân được thực hiện thông qua dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện với cơ chế ứng cử dân chủ, với thể bầu cử chế rõ ràng, công khai, minh bạch. Sự tham gia của người dân vào chính trường được tôn trọng thì lúc này, người dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng lợi ích mà còn là chủ thể tham gia tạo nên chính sách cũng như hoạt động của các cơ quan công quyền nói chung - nghĩa là người dân chủ động và tự giác tham chính thì dân chủ chính trị sẽ tỏ rõ sức mạnh động lực của nó với tiến bộ và phát triển xã hội.

Chẳng hạn như, về cơ chế hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ra ứng cử đại biểu có thể coi là một trong những cơ chế dân chủ và công khai để phát huy vai trò, lực lượng và sức sáng tạo của mọi tầng lớp nhân dân trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nếu quy trình lựa chọn, giới thiệu ứng cử viên hay tự ứng cử vừa được ràng buộc bằng các yêu cầu chặt chẽ trong tổ chức vừa được tự do trong thể hiện quyền của chính mình thì không chỉ là một nhu cầu chính đáng của người dân mà còn một biểu hiện của sự dân chủ, tiến bộ của chế độ.

Theo ý kiến người viết, xu hướng dân chủ hóa đất nước là điều không thể đảo ngược, và bắt buộc phải là hướng đi tới của lịch sử, cho dù có những khó khăn, trở ngại, thách thức đặt ra trong quá trình này. Điều quan trọng là giới lãnh đạo tinh hoa của đất nước có dám đương đầu và “định hướng” để đưa Việt nam phát triển theo hướng tiến bộ này hay không. Tôn trọng thật sự quyền ứng cử của người dân là

yếu tố bắt đầu và quan trọng góp phần thúc đẩy xã hội Việt Nam ngày càng tiệm cận với dân chủ chính hiệu và thuần túy hơn, chứ không là khái niệm dân chủ trên câu chữ và trong tuyên truyền, quảng bá. Theo triết lý “Hữu xạ tự nhiên hương”: hãy để dân chủ trong thực hiện quyền ứng cử được tự nhiên như trong hơi thở của người dân và người dân được thụ hưởng nó bằng tất cả thể chế chính trị, quy định pháp luật, thực lực nền kinh tài của quốc gia, chính sách của nhà nước chứ không phải là những giá trị dân chủ được ca ngợi từ một vài tổ chức hay quốc gia nào đó dành riêng cho Việt Nam hoặc trong chính sự thừa nhận của giới lãnh đạo. Vì vậy, hãy để quyền ứng cử là biểu hiện của dân chủ thật sự, đừng sử dụng quyền ứng cử này như một bông hoa trang trí cho nền dân chủ.

3.1.3. Bản chất dân chủ trong tổ chức và quản trị xã hội

Xuất phát từ ảnh hưởng của văn hóa hành chính cũ còn khá nặng nề trong xã hội Việt Nam. Do đã từng có một thời gian dài, bộ máy nhà nước được xây dựng và hoạt động theo cơ chế tập trung, bao cấp. Các cơ quan nhà nước được xây dựng theo một mô hình thống nhất chung, đứng ra làm tất cả mọi việc cho nhân dân theo sự chỉ huy tập trung từ bên trên, lâu dần đã hình thành nên tâm lý và văn hóa hành chính mà theo đó, các cơ quan, công chức coi nhiều việc, trong đó có việc ứng cử như là đặc quyền riêng của mình và vì thế các công việc của nhà nước luôn khép kín, còn người dân thì ỷ lại, coi đó không phải là công việc của dân. Người dân thờ ơ, ít quan tâm tới các quyền cơ bản của mình, hoạt động của nhà nước và các chính sách, nếu không có ảnh hưởng trực tiếp tới lợi ích cá nhân. Điều này, trước hết, là từ nhận thức của xã hội, của những người quản lý. Mặc dù, hiện nay tư tưởng xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân đã được phổ biến rộng trong xã hội, nhưng việc nhận thức đúng về tư tưởng này vẫn còn khoảng cách. Những người quản lý vẫn còn thiếu tin tưởng ở người dân, vẫn coi việc quản lý nhà nước là công việc riêng vốn có của nhà nước mà không phải là nhiệm vụ của chính nhân dân trong việc quản lý xã hội. Ngược lại, chính người dân cũng coi đó chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước, mà không phải là của mình. Vì lẽ đó, đã

làm hạn chế sự tham gia rộng rãi của nhân dân vào hoạt động quản lý nhà nước, trong đó có quyền ứng cử.

Ngày nay, quyền ứng cử được xem như một trong những quyền chính trị quan trọng nhất của công dân, mang tính “đôi trọng” với nhà nước, nếu nhà nước không thực hiện tốt chức năng của mình thì các kỳ bầu cử sẽ là cơ hội để người dân quyết định lựa chọn lại hoặc tự chính mình sẽ tham gia vào bộ máy nhà nước, nếu đáp ứng đủ điều kiện luật định và được cử tri ủng hộ. Vì thế, để xây dựng được nhà nước chịu trách nhiệm trước người dân, quyền ứng cử phải được thực thi theo đúng bản chất của nó. Theo người viết, nhà nước là một bên chủ thể trong mối quan hệ với người dân, nhà nước phải được tổ chức và hoạt động theo pháp luật, nhà nước phải chịu sự giám sát của người dân, nhà nước phải thừa nhận và đối mặt với những sai lầm và hạn chế, khiếm khuyết của mình, nhà nước phải biết lắng nghe và ghi nhận ý kiến phản biện của xã hội để tự khắc phục và hoàn thiện hơn, đó mới chính là bản chất dân chủ và cởi mở trong tổ chức và quản trị xã hội – một vai trò quan trọng của nhà nước. Cụ thể hơn, nhà nước cần phải có một quyết tâm chính trị để đảm bảo cho quyền ứng cử của công dân được thực hiện đúng luật và khả thi trên thực tế.

3.1.4. Yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức (Điều 2 Hiến pháp 2013). Đây là đặc trưng cơ bản, được ghi nhận trong Hiến pháp của nước ta hiện nay. Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa gắn bó mật thiết với toàn bộ chế độ bầu cử. Nói đến bầu cử là nói đến nhà nước và dân chủ. Nói đến dân chủ là nói đến nhà nước pháp quyền. Cho nên nhà nước pháp quyền gắn liền với bầu cử, chỉ tổ chức thật kết quả cuộc bầu cử thì mới cho chúng ta những điều kiện căn bản để tiếp tục xây dựng nhà nước pháp quyền, vì cội nguồn của nhà nước pháp quyền bắt đầu từ bầu cử. Thế giới hiện đại đã chứng minh rằng,

không có phương thức dân chủ nào tốt hơn là phương thức bầu cử. Bởi vì, thông qua hoạt động bầu cử, người dân thể hiện ý chí và nguyện vọng của mình chọn ra người ủy quyền chính trị của mình, thay mặt mình quản trị quốc gia và thậm chí người dân còn có quyền tham gia quản lý xã hội bằng việc ứng cử. Như vậy, thông qua quyền bỏ phiếu, quyền ứng cử là phương thức để người dân thực hiện quyền làm chủ của mình.

Theo người viết, trên thực tế, người dân Việt Nam chỉ thực sự làm chủ đất nước, quyền lực nhà nước thực sự thuộc về người dân khi họ và chỉ họ có quyền tự do bầu cử, tự do ứng cử cũng như tự do góp phần thành lập cơ quan đại diện theo mong muốn của mình. Nhà nước pháp quyền được ghi nhận trong các văn kiện của Đảng hay Hiến pháp, văn bản luật chỉ thuần về dạng mô hình trên lý thuyết mà giá trị thực tiễn còn xa vời nếu các quyền cơ bản nhất của công dân không được bảo vệ nghiêm túc, trong đó quyền ứng cử là một quyền chính trị quan trọng.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp

3.2.1. Phương hướng hoàn thiện quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp

3.2.1.1. Nâng cao nhận thức về quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp

Nhìn chung, trình độ dân trí, nhất là trình độ về pháp luật, của người dân tuy những năm gần đây có nhiều chuyển biến tích cực nhưng cũng còn hạn chế. Hiện nay, không chỉ kiến thức pháp luật của người dân còn thấp mà sự chấp hành, ý thức, tinh thần pháp luật của người dân không cao. Chính vì vậy, khi tham gia vào các công việc quản lý nhà nước, người dân rất lúng túng. Cho nên, nhà nước cần tiếp tục có các biện pháp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục phù hợp để nâng cao kiến thức, trình độ, nhất là ý thức chính trị, tinh thần pháp luật của người dân, làm cho người dân tự giác và có ý thức hơn nữa trong việc tham gia vào hoạt động quản lý nhà nước. Nhà nước cần vận động, giải thích và tạo điều kiện để có nhiều người tham gia vào hoạt động bầu cử nói chung và thực hiện quyền ứng cử nói riêng.

Phải làm cho người dân thấy rõ nhà nước này là của họ, cơ đồ này là của họ. Với những tiêu chuẩn nào thì họ được quyền tự do bước vào các hoạt động chính trị của xã hội thông qua việc được giới thiệu ứng cử, thông qua việc họ trực tiếp ứng cử vào Quốc hội hoặc HĐND các cấp. Ngoài sự tuyên truyền tập trung trong các kỳ bầu cử thì cũng cần có chiến lược nâng cao ý thức chính trị của công dân một cách căn cơ, bài bản và lâu dài.

Một cách tổng quan, muốn có được những người xứng đáng trong cơ quan dân cử thì trình độ dân trí và trình độ văn hóa chính trị, văn hóa bầu cử của người dân vô cùng quan trọng. Chỉ khi người nào người dân xác định được đúng vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của mình trong các cuộc bầu cử, khi đó người dân mới quan tâm, hào hứng tham gia vào ứng cử, bầu cử các cơ quan quyền lực nhà nước. Điều này, đòi hỏi bên cạnh việc hoàn thiện các quy định về bầu cử phải đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục cho người dân hiểu rõ về pháp luật bầu cử, về quyền và trách nhiệm của người dân. Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng cho toàn dân về ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc bầu cử; các quy định cơ bản của Luật Bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND; về vị trí, vai trò các cơ quan này, của người đại biểu nhân dân; về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong việc góp phần xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch. Đặc biệt là cho người biết rõ, nhận thức rõ về quyền ứng cử và điều kiện ứng cử của người dân, không để ứng cử là một khái niệm mang tính xa xỉ và thật xa vời đối với người dân.

3.2.1.2 Đảm bảo thực hiện đúng các nguyên tắc cơ bản về bầu cử theo luật định

Một chế độ bầu cử dân chủ, thể hiện ý chí của nhân dân trong bầu cử, trước hết chế độ bầu cử đó cần tuân theo các chuẩn mực đã được nhiều quốc gia dân chủ trên thế giới nhận. Bầu cử tự do, công bằng, phổ thông, bình đẳng, trực tiếp, định kỳ và bỏ phiếu kín là những tiêu chí cơ bản nhất của một cuộc bầu cử dân chủ thật sự. Một chế độ bầu cử tuân theo được những nguyên tắc này là những chuẩn mực tốt đảm bảo bầu cử phản ánh đúng ý chí của nhân dân. Về lý thuyết, nếu quyền bỏ phiếu cũng như quyền ứng cử của công dân được thực thi một cách nghiêm túc

đúng bản chất và các nguyên tắc cơ bản về bầu cử theo luật định thôi, thì cho dù nhà nước cùng các quan chức của nhà nước có độc đoán hay lạm quyền, lộng quyền đến đâu đi chăng nữa thì cũng bị ngăn chặn một cách thích đáng bằng nhiệm kỳ hữu hạn của bầu cử. Bởi vì, bầu cử không chỉ là biện pháp dân chủ thành lập ra nhà nước, mà còn là biện pháp hạn chế hữu hiệu hoạt động tùy tiện của nhà nước.

Theo người viết, chưa cần phải làm tốt hơn những nguyên tắc này mà chỉ cần làm đúng và làm đủ các nguyên tắc đã được ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật bầu cử thì đã có thể giúp cho bầu cử của Việt Nam nói chung, quyền ứng cử đại biểu của người dân nói riêng được mở rộng và nâng lên một cách đáng kể về “chất” trong các đợt sinh hoạt chính trị xã hội toàn dân, đồng thời, ngày càng tiêm cận hơn đến những tiêu chí văn minh của nhân loại về nhà nước và dân chủ.

3.2.1.3 Tôn trọng tính tự do-dân chủ, công khai-minh bạch, công bằng, trung thực trong thực hiện quyền ứng cử

Với tư cách một thiết chế bảo đảm dân chủ, bầu cử có những nguyên tắc chung nhất, mà bất cứ hoạt động bầu cử ở đâu cũng đều phải tuân theo. Ở nước ta, bầu cử là một định chế quan trọng của dân chủ, nền tảng hợp pháp để hình thành các chức danh, cơ quan lãnh đạo của các tổ chức thành viên hệ thống chính trị.

Bầu cử ở Việt Nam gắn mật thiết với khái niệm dân chủ, trong đó những cuộc bầu cử tự do và công bằng là phương thức đảm bảo cho việc tôn trọng các quyền tự do, dân chủ đó. Nhà nước phải bảo đảm để cuộc bầu cử thực sự trở thành một cuộc sinh hoạt chính trị rộng lớn, tạo điều kiện thuận lợi để công dân thực hiện quyền bầu cử của mình, bảo đảm tính dân chủ, công khai và sự tham gia rộng rãi của các tầng lớp nhân dân trong bầu cử. Bầu cử là biểu hiện quan trọng của dân chủ trong xây dựng chính quyền nhà nước. Chế độ bầu cử là nền tảng của dân chủ, có vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc kiến tạo chế độ dân chủ. Chế độ bầu cử là một trong những trụ cột trong cấu trúc dân chủ ở bất cứ nhà nước nào, bất cứ tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội nào. Dân chủ và bầu cử gắn bó mật thiết như hình với bóng. Ở đâu có bầu cử tự do và trung thực, thì ở đó một chế độ dân chủ được nảy nở và phát triển. Dân chủ có nghĩa là nhân dân là nguồn gốc, là chủ

thể của quyền lực nhà nước; Giống như quyền bầu cử, quyền tự ứng cử hay quyền giới thiệu người ứng cử - bản chất là một quyền tự do cá nhân. Vì vậy, trong một xã hội văn minh, của một nền dân chủ không thuần túy và mơ hồ, nguyên tắc đa số chỉ thành công khi bảo đảm được quyền của thiểu số và quyền của cá nhân.

Trong một xã hội tiến bộ, việc thừa nhận và tôn trọng tính tự do trong bầu cử; tính công khai, minh bạch thông tin của cuộc bầu cử có vai trò rất quan trọng, mọi người dân đều có quyền tiếp cận thông tin một cách kịp thời và đúng sự thật. Các hoạt động diễn ra trong quy trình bầu cử, đặc biệt liên quan đến việc thực hiện quyền ứng cử đều phải công khai, minh thị để đảm bảo sự trung thực và tính công bằng cho những người ứng cử. Đây là một trong những đích đến của nhà nước pháp quyền XHCN.

3.2.1.4 Đảm bảo nguyên tắc Đảng lãnh đạo nhưng cần đổi mới phương thức Đảng lãnh đạo

Về lý thuyết, Đảng cầm quyền bao giờ cũng giữ vai trò lãnh đạo, chi phối toàn bộ hệ thống chính trị, đặc biệt và trực tiếp nhất là nhà nước; bằng nhà nước và thông qua nhà nước để thực hiện mục tiêu, chiến lược của mình. Giành, giữ và thực thi quyền lực nhà nước là một hoạt động cơ bản của các đảng chính trị. Tùy theo điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của từng nước cũng như mục tiêu theo đuổi mà mỗi đảng cầm quyền có những phương thức tổ chức và hoạt động khác nhau, song đều nhằm tới một hướng đích là giành, thực thi và chi phối quyền lực nhà nước, từ đó chi phối và thực thi quyền lực của đảng mình đối với các đảng khác và với toàn xã hội. Vì thế, đảng cầm quyền là vấn đề quan trọng của hệ thống chính trị của tất cả các quốc gia. Trong xã hội dân chủ, nhà nước được nhân dân trao quyền và cũng theo đó mà hệ quả lôgic tất yếu theo tư duy dân chủ là nhà nước thực hiện quyền lực chừng nào nhân dân còn tín nhiệm.

Trong hoạt động bầu cử nói chung, hoạt động ứng cử nói riêng thì trọng tâm là công tác hiệp thương- một trong những công đoạn cần đổi mới. Mà đổi mới trước hết là đổi mới về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác hiệp thương. Theo Ts. Vũ Văn Nhiêm “Lãnh đạo hiệp thương không có nghĩa là phải áp đặt đối

với hoạt động này. Nguyên nhân mang tính sâu xa là chúng ta cho rằng: nếu không đảm bảo sự lãnh đạo chặt chẽ, thống nhất, sẽ buông lỏng về công tác cán bộ và tạo điều kiện cho kẻ xấu, các phần tử xã hội chui vào cơ quan dân cử để vụ lợi, chống phá Nhà nước, chống phá Đảng và hệ thống chính trị, đi ngược lại với lợi ích của nhân dân... Việc tổ chức và phân chia thành các đơn vị bầu cử về bản chất là sự định hướng về tính đại diện (định hướng theo địa dư hay theo ngành, nghề, lĩnh vực). Sự cần thiết về cơ cấu là hiểu theo khía cạnh đó, chứ không nên cơ cấu mang tính “cứng nhắc”. Cơ cấu cứng nhắc sẽ dẫn đến “trói” hiệp thương. Mặt khác, khi số dư quá ít, cử tri không có “độ rộng” cần thiết để lựa chọn. Đó là chưa kể, tiêu chí cơ cấu hiện nay trong bầu cử nước ta chồng lấn, giẫm đạp lên nhau, chưa khoa học và không thực tế. Hãy thử quan sát cơ cấu đại biểu HĐND các cấp tỉnh: Khối Đảng, khối Mặt trận, tổ chức chính trị, tổ chức xã hội, khối chính quyền, khối nội chính, khối tôn giáo, khối các đơn vị kinh tế trung ương, khối đơn vị kinh tế địa phương, khối huyện, thị, khối lao động tiêu biểu... Khi “ôm đồm” nhiều tiêu chí về tính đại diện như vậy, không những mục đích đặt ra không đạt được, mà còn xảy ra tình trạng gò ép trong giai đoạn hiệp thương giới thiệu đại biểu” [15, tr. 279-280].

Như vậy, bầu cử là phương thức được sử dụng để quyền lực nhà nước thiết lập ra bởi nhân dân. Đảng chính trị muốn trở thành đảng cầm quyền không có cách nào khác là phải nắm được quyền lực nhà nước thông qua các cuộc bầu cử tự do, dân chủ, công bằng. Vì thế, việc phản ánh trung thực ý chí của nhân dân là vấn đề cốt lõi của mọi cuộc bầu cử. Đây là cơ sở quan trọng để đo lường tính chính đáng trong cầm quyền của đảng. Cho nên, tỉ lệ Đảng viên trong các cơ quan dân cử luôn phải chiếm đa số. Chỉ có điều đối với hầu hết các nước có thể chế đa đảng thì tỉ lệ đảng viên của đảng nào đó có đa số tương đối (từ 51%) ghé trong nghị viện sẽ là đảng thắng cử và có quyền thành lập chính phủ, riêng đối với Việt Nam thì lại là đa số tuyệt đối, tỉ lệ Đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam luôn chiếm tỉ lệ vô cùng cao trong cơ quan dân cử ở trung ương và địa phương, điều này dẫn đến tiếng nói ngoài Đảng gần như không có trong bộ máy nhà nước.

Tuy nhiên, chế độ bầu cử không hoạt động độc lập, riêng biệt mà nó là một bộ phận không tách rời trong tổng thể quá trình vận hành của chế độ chính trị. Sự tác động qua lại giữa chế độ bầu cử và chế độ chính trị là hiển nhiên. Trên thực tế, chế độ bầu cử của mỗi nước cần phải căn cứ vào những đặc điểm của thể chế chính trị, xã hội và phải thực hiện những mục tiêu nhất định của nhà nước, của chế độ chính trị đó. Do vậy, các chế độ chính trị, xã hội khác nhau tất yếu có chuẩn mực khác nhau về bầu cử. Ngay trong một nhà nước, chế độ bầu cử cũng có thể khác nhau qua từng thời kỳ để đáp ứng nhiệm vụ chính trị của nhà cầm quyền hoặc đảng phái lãnh đạo. Vì thế, không nên lấy những tiêu chí về bầu cử của quốc gia này áp đặt cho quốc gia khác, đôi khi nó sẽ chông chênh vì có những tiêu chí là giá trị chung nhưng cũng có những tiêu chí mang tính đặc thù, phù hợp riêng với từng quốc gia.

Vì thế, vẫn phải đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với toàn cục cuộc bầu cử nhưng đổi mới và tôn trọng cơ chế ứng cử để đảm bảo kết quả bầu cử thật sự là ý chí và quyết định của nhân dân, điều này không có nghĩa xem nhẹ hoặc phủ định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với bầu cử mà ngược lại, sự đổi mới này góp phần làm tăng tính chính danh và dân chủ của Đảng đối với Nhà nước và xã hội.

3.2.2. Một số giải pháp cụ thể để hoàn thiện việc thực hiện quyền ứng cử ĐBQH và đại biểu HĐND các cấp

3.2.2.1. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật bầu cử và đặc biệt là quyền ứng cử sâu, rộng trong nhân dân

Trên thực tế, năng lực thực hành dân chủ của các tầng lớp nhân dân là một vấn đề đáng quan tâm. Nhà nước, các thiết chế chính trị, chính trị-xã hội chẳng qua chỉ là các chủ thể tổ chức, quản lý, hướng dẫn người dân thực hiện quyền làm chủ mình. Suy cho cùng, năng lực làm chủ của nhân dân là yếu tố quyết định “chất lượng” của nền dân chủ, chứ không tuyệt đối là năng lực tổ chức của nhà cầm quyền. Cho dù Hiến pháp, pháp luật có quy định hoặc thừa nhận các nguyên tắc dân chủ hay ho và tiến bộ nhưng người dân thờ ơ, không có ý thức thực hiện chứ chưa nói đến bảo vệ thì những thừa nhận, quy định đó cũng trở nên vô nghĩa. Quyền ứng

cử là một trong những quyền chính trị quan trọng hàng đầu của công dân nhưng nếu người dân không quan tâm, không chủ động thực hiện thì cũng không thể nào thực thi và phát huy sự dân chủ cho bản thân mình và cho đất nước.

Diễn hình trong công tác tuyên truyền, phổ biến về ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc bầu cử ĐBQH khóa XIV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 – 2021 tại TPHCM, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố đã tổ chức Hội thi “Chọn người tiêu biểu đức tài của Nhân dân”. Hội thi được tổ chức từ cấp cơ sở, gồm phần thi trắc nghiệm và thi tiểu phẩm, giới hạn trong Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Luật bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND. Hội thi đã thu hút sự quan tâm hưởng ứng tích cực của cán bộ, đảng viên, công nhân viên, hội viên, đoàn viên các đoàn thể và các vị chức sắc, chức việc, các dân tộc, tôn giáo và người dân trên địa bàn. Bên cạnh đó, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ thành phố còn mở chuyên mục “Tuyên truyền, phổ biến các nội dung liên quan đến bầu cử ĐBQH khóa XIV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 – 2021” trên trang web và bản tin Mặt trận Tổ quốc thành phố nhằm phối hợp tuyên truyền, phổ biến các văn bản có liên quan đến cuộc bầu cử [38]. Ngoài ra, các hình thức tuyên truyền về bầu cử cũng được hệ thống Mặt trận Tổ quốc thành phố phối hợp tổ chức phong phú, đa dạng, thu hút được sự chú ý của các tầng lớp nhân dân; công tác biên soạn và phát hành tài liệu tuyên truyền, ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp, tài liệu Hỏi – đáp về Luật bầu cử, tranh cổ động về bầu cử... cũng được tập trung triển khai thực hiện, kết quả hệ thống Mặt trận Tổ quốc các cấp của thành phố đã phối hợp phát hành hơn 500.000 tài liệu các loại để phục vụ cho công tác tuyên truyền. Đây là một thực tế sinh động như một giải pháp cần nhân rộng trong bối cảnh hiện nay.

Bên cạnh cách tuyên truyền, phổ biến truyền thống như hiện nay qua các phương tiện thông tin đại chúng, các đợt sinh hoạt quần chúng tập trung ở cơ sở (khu phố, thôn, bản), qua vai trò nòng cốt của người cán bộ địa phương. Theo thiên ý của người viết (có thể bị xem là viễn vông) là ngay từ bây giờ và ngay trong công việc (hoạt động) giáo dục hàng ngày cho học sinh, sinh viên: ngoài các kiến thức chuyên ngành, kỹ năng mềm... thì những khái niệm cơ bản nhất về quyền được đề

cử và tự ứng cử cũng cần phải “phổ thông” hơn nữa. Ví dụ như: quyền tự ứng cử của học sinh tiểu học để trở thành chủ tịch hội đồng tự quản (lớp trưởng) như hiện nay, các trưởng ban và thành viên ban chăm lo quyền lợi học sinh, ban đối ngoại, ban văn nghệ, ban sức khỏe vệ sinh... rồi quyền biểu quyết của tập thể lớp trong việc lựa chọn này. Hoạt động này cần phải được hình thành và trải nghiệm từ bậc học thấp nhất sẽ giúp hình thành ý thức chủ động trong việc thực hiện quyền chính trị quan trọng bậc nhất sau này của các thế hệ công dân tương lai, ở bất kỳ tư cách là người đi bỏ phiếu hay là người tự ra ứng cử.

3.2.2.2 Thay đổi một số tiêu chuẩn, điều kiện để trở thành ứng cử viên phù hợp với điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội Việt Nam hiện nay

Theo quy định của pháp luật nước ta hiện nay, như phân tích tại chương 1, tiêu chuẩn đại biểu còn chung chung, chưa định lượng một cách cụ thể nên cử tri cũng không hình dung được người mình bầu có đáp ứng được mong đợi của mình không. Còn người tự ứng cử cũng lúng túng trong việc tự xác định mình có đủ điều kiện ra ứng cử hay không. Chúng ta đều biết muốn có một Quốc hội mạnh thì trước hết phải có tập hợp các đại biểu đủ tâm và đủ tầm trí tuệ để bàn việc nước, việc dân; muốn có những đại biểu tâm huyết, vì dân thì đầu tiên phải có nhiều ứng cử viên chất lượng để cử tri lựa chọn. Có thể thấy trong chặng đường làm công tác “chuẩn bị nhân sự” vừa qua, chất lượng người ứng cử đã rất được coi trọng. Chất lượng người ứng cử thể hiện ở năng lực, trình độ và kinh nghiệm; nếu người ứng cử trẻ tuổi, kinh nghiệm còn ít, cần thể hiện năng lực xuất sắc trong lĩnh vực công tác. Ngoài ra, chất lượng người ứng cử còn thể hiện ở bản lĩnh, phẩm chất về chính trị, đạo đức lối sống; bởi người có bản lĩnh thì không ngại va chạm, diễn đạt được, trình bày được, lập luận được để thuyết phục được mọi người. Chất lượng người ứng cử còn thể hiện ở tầm hiểu biết về chính sách pháp luật để khi gặp phải bất cứ công việc gì trong giám sát hay trong xây dựng pháp luật có thể đưa ra chính kiến bảo vệ được lợi ích của dân, lợi ích của quốc gia. Cần tăng số lượng đại biểu trong cơ quan dân cử là đại biểu chuyên trách, chẳng hạn như, trong Quốc hội hiện nay chỉ có khoảng 30% đại biểu chuyên trách, khoảng 70% đại biểu kiêm nhiệm thì không đủ

thời gian cho hoạt động của của cơ quan dân cử nói chung, đặc biệt là chức năng giám sát tối cao của Quốc hội nói riêng (trong lúc đối tượng chịu sự giám sát của Quốc hội thì hoạt động 100% quỹ thời gian, còn Quốc hội với lực lượng đại biểu không chuyên trách chỉ phải dành ít nhất 1/3 thời gian trong năm để làm nhiệm vụ đại biểu; hơn nữa đối tượng chịu sự giám sát lại quá mạnh nên đại biểu không chuyên trách không dễ dàng hoặc mạnh dạn thực hiện hết quyền lực và nhiệm vụ mà Hiến pháp và luật đã dành cho họ).

Ngay cả khi đặt ra vấn đề cần đại biểu theo cơ cấu để đảm bảo tính đại diện hay tính hiệu quả của hoạt động cơ quan dân cử? Theo người viết, không nên quá chú trọng vào tính cơ cấu cứng, tính đại diện (với nhưng đại diện thật sự không cần thiết) mà cần phải đặt ra tiêu chí năng lực thật sự của người đại biểu cho dân: đại biểu sẽ làm được gì nơi nghị trường, đại biểu có khả năng gì tác động lên nghị trình để ra những chính sách mang tính “quốc kế dân sinh”. Đừng mặc định tư tưởng hãy sắp xếp ghế ngồi sao cho đầy đủ màu sắc để là biểu hiện của dân chủ mà hãy là thực lực của người đại biểu của dân, vì lợi ích của dân. Muốn thế, chất lượng “đầu vào” phải được rà soát kỹ. Nghĩa là tiêu chuẩn ứng cử viên cần phải được nâng lên. Cụ thể:

Một là, ứng cử viên phải là công dân gương mẫu trong việc chấp hành pháp luật, vì thế phải cần có lý lịch tư pháp trong sạch và đồng thời cần bỏ quy định cấm không được ứng cử với người đang là bị can của vụ án hình sự, vì theo người viết, một nguyên tắc cơ bản mang tính hiến định: không ai bị xem là có tội khi chưa có bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Khi là bị can nghĩa là người đó vẫn bị xem là chưa có tội, nếu họ vẫn muốn ứng cử thì họ không bị hạn chế hoặc từ chối.

Hai là, Quốc hội hay HĐND các cấp luôn là những cơ quan với cường độ làm việc rất cao, rất tập trung. Riêng kỳ họp Quốc hội với thời gian khoảng 30 ngày/ kỳ. Vì vậy, những đại biểu cao tuổi sẽ gặp không ít khó khăn trong các hoạt động diễn ra liên tục, làm việc cả ngày thứ bảy. Đó là chưa kể trước và sau Kỳ họp còn có các buổi tiếp xúc cử tri; chưa kể thời gian và sức lực dành cho công tác

chuyên môn đối với các đại biểu kiêm nhiệm. Nên yêu cầu độ tuổi có liên quan đến sức khỏe là một vấn đề cần phải được đặt ra. Theo người viết, độ tuổi ứng cử: từ đủ 21 tuổi trở lên nhưng không quá 65 tuổi; có giấy xác nhận sức khỏe của bệnh viện đa khoa cấp tỉnh hoặc tương đương. Thậm chí cần phải sửa đổi quy định nếu hai ứng cử viên có số phiếu ngang nhau, hiện nay người lớn tuổi hơn là người trúng cử theo hướng ngược lại, sau này người trẻ tuổi hơn sẽ là người trúng cử.

Ba là, ứng cử viên phải có trình độ văn hóa: tối thiểu từ Đại học trở lên. Có thể, có ý kiến cho rằng quy định điều kiện này sẽ làm hạn chế quyền ứng cử của người lao động. Nhưng cần phải nhận thức rằng, thời điểm này phải khác với thời diệt “giặc đói và giặc dốt”, thời của chiến tranh, thời phải kiến thiết đất nước từ đồng tro tàn. Bây giờ là thời đại của nền kinh tế tri thức (kinh tế tri thức là một nền kinh tế trong đó sự sản sinh ra, phổ cập và sử dụng tri thức giữ vai trò quyết định đối với sự phát triển kinh tế, tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống) và Cách mạng Công nghiệp 4.0 thì cơ quan quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước và của địa phương phải được cấu thành từ những cá nhân có tri thức. Để đảm bảo tính “toàn diện, toàn dân” có thể đưa thêm vào quy định: trừ những trường hợp đặc biệt (như già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo...) do UBND hoặc thường trực HĐND quyết định có thể không cần đạt đến tiêu chuẩn này, nhưng đây luôn luôn là những trường hợp ngoại lệ.

Ngoài ra, do đặc thù của Quốc hội và HĐND là những cơ quan hoạt động liên quan chủ yếu đến các lĩnh vực của đời sống qua lăng kính “lập pháp” hoặc phải quyết định những vấn đề quan trọng nhất của địa phương. Hơn nữa, trên thực tế người trúng cử sau đó thường phải trải qua thêm các lần tập huấn về “nghịệp vụ” cơ bản của một đại biểu do trung tâm bồi dưỡng đại biểu dân cử phụ trách. Vì thế, theo ý kiến của người viết, mỗi người ứng cử cần tự trang bị trước cho mình những kiến thức luật cơ bản liên quan đến cơ quan dân cử, đại biểu dân cử do các cơ sở đào tạo luật cấp chứng chỉ kiến thức luật này, có thể họ sẽ được học trong thời gian 03 tháng tới 06 tháng, trừ những ứng cử viên đã có chuyên môn về luật.

Bốn là, ngoài những tiêu chuẩn định lượng được thì tiêu chuẩn không thành văn quan trọng nhất đối với một người đại biểu là trí tuệ, bản lĩnh, gần dân, lắng nghe dân, biết phân tích ý kiến của dân và đại diện cho những nguyện vọng chính đáng, hợp lý của dân. Những tiêu chí này, người dân sẽ người biết rõ nhất.

Năm là, các quan chức hành chính thì không thể đồng thời là ĐBQH hoặc đại biểu HĐND. Các quan chức hành chính muốn làm đại biểu phải từ bỏ chức vụ hành chính. Nói chung, bất kỳ ai giữ các chức vụ mà việc thực thi chức trách xung đột lợi ích với việc thực hiện chức năng của đại biểu thì phải lựa chọn một trong hai: hoặc từ bỏ chức vụ hoặc thôi làm đại biểu.

Tóm lại, theo người viết, cần định lượng một số tiêu chuẩn đại biểu như sau:

1. Không có tiền án, tiền sự
2. Độ tuổi ứng cử: từ đủ 21 tuổi trở lên nhưng không quá 65 tuổi; có giấy xác nhận sức khỏe của bệnh viện đa khoa cấp tỉnh hoặc tương đương.
3. Trình độ văn hóa: tối thiểu là đại học, trừ một số trường hợp cá biệt do UBTVQH hoặc Thường trực HĐND các cấp quyết định; có sự am hiểu nhất định về pháp luật.
4. Người có uy tín với cộng đồng dân cư nơi sinh sống hoặc làm việc.
5. Không là người đang đảm nhận các chức vụ bên cơ quan hành pháp.

Bên cạnh đó, cần tăng cường số lượng ứng cử viên tự do như trí thức, doanh nhân, những người ngoài đảng, người trẻ tuổi trong tổng số đại biểu được bầu. Đồng thời, cần nghiên cứu thêm phương án nhóm cử tri cũng là một chủ thể có quyền giới thiệu ứng cử viên thông qua hình thức “chữ ký tín nhiệm”: số lượng cần thu thập bao nhiêu trong tổng số cử tri của một đơn vị bầu cử, công dân nào đủ “chuẩn” có chữ ký tín nhiệm này. Ngoài ra, theo người viết, việc tạo sự cạnh tranh trong bầu cử là một yếu tố rất quan trọng cho một cuộc bầu cử dân chủ, để tránh tình trạng chưa kết thúc trận đấu đã biết trước tỉ số. Vì vậy, cần phải mở rộng số dư ở các đơn vị bầu cử theo hướng 50-50. Có như thế, mới tăng cường sự cạnh tranh giữa các ứng cử viên, đồng thời góp phần nâng cao tính dân chủ không chỉ trong bầu cử mà còn ngay trong tổ chức Đảng của nước ta hiện nay (vừa tăng tính cạnh

tranh trong nội bộ tổ chức Đảng bằng chính năng lực và uy tín thật sự giữa các Đảng viên, chứ không phải do phân công hay chỉ định; vừa tăng cường sự cạnh tranh giữa Đảng viên với các ứng cử viên tự do bên ngoài Đảng). Ngoài ra, việc có số dư lớn trong danh sách các ứng cử viên để cho cử tri rộng đường lựa chọn - cũng là một cách thiết thực chứng tỏ quyền quyết định là của dân- cốt lõi của giá trị dân chủ thực thụ chứ không phải một thứ dân chủ hư vô.

Trước hết, cần sửa đổi quy định làm hạn chế quyền ứng cử của nhóm tự ứng cử trong trường hợp Quy định của Luật bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND năm 2015 về việc Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ hai về cơ cấu, thành phần, số lượng sau Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở Trung ương và địa phương trong thực tế không thể thực hiện được, vì tại điều 47 Luật bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND quy định: “chậm nhất là 55 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ hai” trong khi đó cũng tại khoản 1, điều 35 của Luật bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND 2015 quy định: “Công dân ứng cử ĐBQH, đại biểu HĐND theo quy định của Luật này phải nộp hồ sơ ứng cử chậm nhất là 70 ngày trước ngày bầu cử”. Như vậy, nếu có sự điều chỉnh của UBTƯQH sau hội nghị hiệp thương lần thứ 2 thì lúc này đã hết thời hạn nộp hồ sơ ứng cử. Điều này, chắc chắn làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người tự ứng cử nếu áp dụng theo.

3.2.2.3. Tiếp tục cải tiến công tác hiệp thương, công tác vận động bầu cử

Thứ nhất, một trong những vấn đề khó khăn nhất, dễ gây ra những "khuất tất" nhất trong mọi chế độ bầu cử chính là công đoạn tuyển chọn ứng cử viên (sơ tuyển trước khi cử tri lựa chọn trong ngày bầu cử). Vì thế, cần phải cải tiến công tác hiệp thương. Điểm bất cập lớn nhất là chính cơ chế hiệp thương lại làm hạn chế vai trò của cử tri, vai trò của bầu cử trực tiếp. "Theo cách thức bầu cử hiện nay thì giai đoạn hiệp thương để chọn lựa ứng cử viên là quan trọng hơn khâu bầu cử của các cử tri. Đã đến lúc cần phải đổi mới pháp luật bầu cử sao cho khâu quan trọng nhất trong bầu cử là sự lựa chọn trực tiếp của cử tri." [34]

Hiệp thương cũng có nhiều hạn chế như: quy trình hiệp thương thường theo sự chỉ đạo của cấp trên nên người dân thường nói là quy trình “Đảng cử, dân bầu”;

quá trình hiệp thương một mặt nặng về cơ cấu, mặt khác không có thủ tục bình đẳng giữa người do tổ chức giới thiệu và người tự ứng cử. Chẳng hạn như, tại hội nghị tiếp xúc cử tri, đối với người do tổ chức giới thiệu thì thường lấy phiếu tín nhiệm bằng cách biểu quyết công khai còn người tự ứng cử thì thường lấy phiếu tín nhiệm bằng cách bỏ phiếu kín. Quy trình hiệp thương kiểu này đã loại bỏ đa số người tự ứng cử. Vì thế, để đảm bảo tính công bằng (tương đối) cho ứng cử viên, trong hội nghị cử tri, cần thống nhất một hình thức biểu quyết duy nhất là bỏ phiếu về sự tín nhiệm đối với ứng cử viên; cần bãi bỏ hình thức giơ tay vì nó mơ hồ, không chính xác, không có giá trị chứng cứ nếu có khiếu nại, tố cáo xảy ra ở khâu này. Hình thức biểu quyết giơ tay hoàn toàn không phù hợp với tính chất quyết định “sinh mệnh chính trị” của những người ứng cử, cũng như không tôn trọng ý kiến và ý chí của cử tri. Nếu nhìn nhận một cách phản biện, hình thức biểu quyết này như một “vũ khí thô sơ” nhưng được sử dụng một cách đầy “kỹ thuật” trong hiệp thương tuyển cử. Trong một hoạt động chính trị xã hội được xác định là quan trọng bậc nhất của quốc gia mà tồn tại hình thức này rõ ràng là không văn minh, không đúng bản chất dân chủ của cuộc bầu cử và là cách thức có khả năng tạo ra sự bất bình đẳng nghiêm trọng giữa các ứng cử viên.

Cải tiến hiệp thương theo hướng cần quy định thống nhất số lượng các hội nghị tiếp xúc cử tri vận động bầu cử mà mỗi ứng cử viên được quyền tham gia để tạo sự bình đẳng như nhau. Bố trí thời gian phù hợp và đủ để các ứng cử viên trình bày chương trình hành động cũng như tăng cường đối thoại với cử tri (đi vào giờ hành chính thì chỉ có cán bộ hưu trí, phụ trách khu phố, tổ dân phố tiếp xúc là phần nhiều; nếu đi vào buổi tối hoặc ngày nghỉ cuối tuần thì chương trình phải hấp dẫn). Việc lấy ý kiến cử tri nơi cư trú hoặc nơi công tác, cần phải thông báo rộng rãi với cử tri nơi đó biết trước ít nhất là 30 ngày và thường xuyên nhắc đi nhắc lại để họ sắp xếp công việc cho phù hợp, có thể đến tham dự các buổi tiếp xúc với tên gọi là Hội nghị cử tri, tránh trường hợp ban tổ chức chỉ mời các cử tri “chuyên nghiệp” và “nòng cốt”, mở rộng thành phần cử tri tham gia các hội nghị cử tri nơi cư trú và nơi

công tác, khuyến khích sự tham gia tự nguyện của các cử tri thay vì mời theo thành phần.

Tóm lại, theo người viết, điểm mấu chốt là cần phải đảm bảo sự dân chủ trong hoạt động hiệp thương. Cần phải hạn chế và loại bỏ hoàn toàn sự áp đặt trong hoạt động này. Hiệp thương không nên và không thể có vai trò như một “bộ lọc” cuối cùng đối với ứng cử viên, hiệp thương chỉ là một khâu trong một chuỗi của hoạt động bầu cử, Mặt trận tổ quốc đóng vai trò là thành phần tham gia tổ chức bầu cử. Quyền quyết định đích thực và cuối cùng vẫn phải là cử tri, thông qua Hội nghị cử tri và thông qua kết quả chân thực của hội nghị, đồng thời căn cứ trên tiêu chuẩn của đại biểu, cơ cấu, thành phần, số lượng, đại biểu do UBND và Thường trực HĐND điều chỉnh để lựa chọn, lập danh sách ứng cử viên chính thức thì có vẻ phù hợp hơn việc tổ chức phụ trách bầu cử tự “đóng cửa” và tự quyết một mình theo cách hiệp thương lần thứ ba như trường hợp ông Trần Đăng Tuấn, ứng cử viên tại Hà Nội bị loại sau khi đạt được sự tín nhiệm 100% của cử tri nơi cư trú và nơi công tác, là rất đáng tiếc.

Ngoài ra, tuy đề tài này liên quan chủ yếu đến quyền ứng cử nhưng theo người viết cũng cần thiết có nhưng thay đổi cơ bản về cử tri, vì đây là chủ thể quyết định vấn đề “thành- bại” của ứng cử viên, góp phần đảm bảo nguyên tắc công bằng, bình đẳng trong bầu cử nói chung và người thực hiện quyền ứng cử nói riêng. Vì thế, cần chấm dứt tình trạng cử tri ảo khi thực hiện quyền bỏ phiếu; chấm dứt tình trạng cử tri “chuyên nghiệp” trong các hội nghị cử tri.

Thứ hai, có thể nói rằng, vận động bầu cử là một giai đoạn quan trọng trong bầu cử, nhưng trong thực tế thực hiện còn mang nặng về hình thức, chưa thật sự phát huy dân chủ và chưa có cơ chế phát hiện, hướng xử lý các hành vi vận động thiếu bình đẳng. Hoạt động vận động bầu cử hiện nay vẫn chưa chú trọng đến tính “cạnh tranh” giữa các ứng cử viên nên chưa gọi là “tranh cử”, mà thiếu tính cạnh tranh thì không thể lựa chọn, bầu những ứng cử viên tiêu biểu, xứng đáng làm ĐBQH và đại biểu HĐND các cấp. Do đó, nhà lập pháp cần nghiên cứu bổ sung thêm một phần riêng quy định về vận động bầu cử trong Luật bầu cử ĐBQH và

HĐND năm 2015. Cần đa dạng hóa, phong phú các hình thức vận động bầu cử, tạo quyền chủ động cho những người ứng cử trong việc tự vận động bầu cử thông qua việc tiếp xúc cử tri, cần bỏ đi cách thức vận động bầu cử đơn điệu, mang nặng tính hành chính, thay vào đó là tiến hành tổ chức các diễn đàn đối thoại trực tiếp công khai giữa các ứng cử viên với cử tri để từ đó người dân có thêm điều kiện lựa chọn khách quan, sáng suốt, chính xác nhất những người mà mình sẽ bầu vào cơ quan đại diện cho mình.

3.2.2.4. Tăng cường sự giám sát của cử tri và các phương tiện thông đại chúng trong quá trình bầu cử

Để một cuộc bầu cử được trong sạch, trung thực và công bằng thì không thể nào thiếu sự giám sát khách quan của báo giới và cử tri. Trong bầu cử, báo chí luôn có một vai trò quan trọng, phản ánh trung thực, khách quan mọi diễn biến của cuộc bầu cử. Để cho các cuộc “hiệp thương” về nội dung cũng như phương thức tiến hành cuộc bầu cử dân chủ được thực hiện một cách thực chất, thì nội dung của các cuộc “hiệp thương” ấy cần phải công bố công khai và minh bạch trên báo chí cũng như các phương tiện truyền thông đại chúng khác. Phóng viên, nhà báo phải được tham dự các cuộc “hiệp thương” đó nhằm đưa tin một cách khách quan, trung thực về ý chí và nguyện vọng của nhân dân được thể hiện trong các cuộc “hiệp thương” đó như thế nào. Đặc biệt là trong quá trình kiểm phiếu và tổng hợp phiếu.

Quy định về việc kiểm phiếu và tổng hợp phiếu bầu: Hiện nay, luật bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND năm 2015 cũng chỉ dừng lại việc quy định hoạt động kiểm phiếu theo Điều 73 tại khu vực bỏ phiếu “mời hai cử tri không phải là người ứng cử chứng kiến việc kiểm phiếu. Người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử hoặc người được ủy nhiệm có quyền chứng kiến việc kiểm phiếu và khiếu nại về việc kiểm phiếu. Các phóng viên báo chí được chứng kiến việc kiểm phiếu”. Luật chưa quy định về quy trình, thủ tục trường hợp đề nghị kiểm lại phiếu hoặc tham gia chứng kiến việc tổng hợp phiếu. Nên chăng, các thành phần tham gia chứng kiến việc kiểm phiếu lần đầu tại khu vực bỏ phiếu cũng có thể chính là thành phần tham gia chứng kiến việc kiểm lại phiếu hoặc tổng hợp phiếu.

Bởi lẽ, công khai-minh bạch thủ tục này sẽ góp phần đảm bảo quyền ứng cử được tôn trọng thật sự hơn và trọn vẹn hơn. Ngoài ra, việc giải quyết, khiếu nại tổ chức về các ứng cử viên trong các cuộc bầu cử và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác bầu cử: luật đã có quy định liên quan đến khiếu nại, tố cáo về người ứng cử, lập danh sách người ứng cử (điều 61); khiếu nại, tố cáo về kiểm phiếu (điều 75). Tuy nhiên, luật chỉ mới quy định tổ bầu cử nhận, giải quyết và ghi nội dung giải quyết vào biên bản, chưa quy định cụ thể về quy trình giải quyết. Về lâu dài, cần tiếp tục nghiên cứu để hướng chuyên sang cơ chế cơ quan tư pháp như khiếu nại về danh sách cử tri đã có thủ tục tư pháp còn khiếu nại, tố cáo về người ứng cử, lập danh sách người ứng cử; khiếu nại, tố cáo về kiểm phiếu chỉ mang tính chất hành chính. Giải quyết các vấn đề liên quan đến bầu cử theo thủ tục tư pháp thì có lẽ phù hợp hơn trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN như ở nước ta hiện nay.

Tóm lại, bầu cử là một định chế quan trọng của dân chủ, nền tảng hợp pháp để hình thành bộ máy nhà nước. Việc thiết kế, thực thi chế độ bầu cử tiến bộ, phù hợp, thực sự dân chủ là công việc quan trọng hàng đầu trong công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền, trong đó cần đặc biệt chú trọng đến quyền ứng cử của công dân. Cơ bản, quyền ứng cử của người dân đã được ghi nhận và tôn trọng nhưng vẫn còn những điều hạn chế. Vì vậy, cần tuyên truyền, phổ biến pháp luật bầu cử và đặc biệt là quyền ứng cử sâu, rộng trong nhân dân; Thay đổi một số tiêu chuẩn để trở thành ứng cử viên phù hợp với điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội hiện nay, tạo cơ chế mở cho nhóm người ứng cử tự do, việt kiều, trí thức, doanh nhân, người trẻ tuổi, người ngoài đảng được tham gia ứng cử; Tiếp tục cải tiến công tác hiệp thương, công tác vận động bầu cử theo hướng phù hợp thực tiễn; tăng cường sự giám sát của cử tri và các phương tiện thông đại chúng trong quá trình bầu cử để đảm bảo các giá trị cốt lõi trong bầu cử như tự do, công khai, công bằng, trung thực được tôn trọng, để cho một đất nước với hơn 90 triệu dân xứng đáng và cần thiết có được hệ thống cơ quan dân cử chuyên nghiệp và hoạt động hiệu quả hơn.

KẾT LUẬN

Đặc điểm chính trị quan trọng nhất của một xã hội dân chủ là quyền lực thật sự và luôn luôn thuộc về nhân dân. Cho nên, đảm bảo quyền ứng cử của người dân một cách đầy đủ và tự do vừa là giá trị nhân văn của một xã hội dân chủ tiến bộ, vừa là để thực hiện mục tiêu xây dựng một nhà nước pháp quyền XHCN hướng đến người dân.

Nhìn lại, đất nước Việt Nam với lịch sử nghìn năm chống giặc ngoại xâm, có đánh đổi, có mất mát, có hy sinh nhưng vẫn giữ được cốt cách của một quốc gia độc lập, có chủ quyền. Giờ đây, đất nước chúng ta cần phải ở thế tự lực tự cường trong một thế giới mở mà giữa các quốc gia đều phải ứng xử văn minh và tuân theo những thông lệ, thỏa thuận, pháp luật quốc tế. Có thể, trong thế kỷ 21 này những thế hệ đi trước không làm được hoặc chưa làm được, vẫn phải đề đề nặng tâm lý quốc gia nhược tiểu lên cả dân tộc, phải đánh đổi nhiều thứ để giữ ổn định chính trị - xã hội. Nay, theo người viết, giới lãnh đạo cần phải mở lối cho thế hệ trẻ, tri thức góp phần gìn giữ và xây dựng lại quốc gia, bằng cách tạo điều kiện cho những người trẻ tuổi, giới tinh hoa trí thức (có cả kiều bào, người ngoài Đảng, doanh nhân...) được tham gia thực hiện quyền ứng cử vào cơ quan đại diện của dân một cách tự do, công bằng và sòng phẳng. Quốc hội và HĐND, nơi sẽ hình thành bộ máy nhà nước theo nhiệm kỳ, nơi sẽ đưa ra những quyết sách quan trọng cho đất nước và địa phương. Vì vậy, cần tạo điều kiện thật sự và động viên mọi tầng lớp nhân dân tham gia ứng cử. Khi có nhiều ứng cử viên đông về số lượng, đa dạng về ngành nghề, xuất thân, trình độ...thì cử tri sẽ càng rộng đường lựa chọn người đại diện cần thiết và phù hợp cho mình, góp phần tạo nên sự dân chủ cho xã hội, sự chuyên nghiệp và hiệu quả cho các cơ quan dân cử trong công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân như Nguyễn Trãi ngày xưa từng nói, khái ý là nhân tài có thể đang ở trong hàng quan nhỏ, ở bìa rừng, nơi đồng nội. Họ “không đem ngọc bán rao”, họ không chạy lãng xăng mua chức. Muốn dụng họ thì phải tìm. Họ là nguyên khí quốc gia.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Anh, *Bầu cử tự do và công bằng: Nhân tố then chốt của dân chủ*; <http://www.daibieunhandan.vn/default.aspx?tabid=132&ItemId=209804&GroupId=1026>; ngày 22/04/2011
2. Nhật Anh, *Thiếu trung thực thì không được phép ứng cử*, <https://baomoi.com/thieu-trung-thuc-thi-khong-duoc-phep-ung-cu/c/20497804.epi>, ngày 06/10/2016
3. Ban chấp hành trung ương Đảng (2016), *Chỉ thị số 51-CT/TW ngày 04 tháng 01 năm 2016 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021*
4. Chủ tịch nước (1945), *Sắc lệnh số 51 ngày 17 tháng 10 năm 1945*
5. Cục thống kê TPHCM, *Tình hình kinh tế xã hội tháng 12 năm 2017*; <http://www.pso.hochiminhcity.gov.vn/web/guest/nam-2017> ngày 29/12/2017.
6. Nguyễn Đăng Dung (2014), *Sự hạn chế quyền lực nhà nước*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội
7. Đại hội đồng Liên Hợp Quốc (1966), *Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966* - Được thông qua và đề nghị cho các quốc gia ký, phê chuẩn và gia nhập theo Nghị quyết số 2200 (XXI) ngày 16/12/1966; Có hiệu lực ngày 23/3/1976 (Điều 25)
8. Đài tiếng nói nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2017), *Thành phố Hồ Chí Minh: Thành quả và thách thức trên đường phát triển*; <http://voh.com.vn/thoi-su/thanh-pho-ho-chi-minh-thanh-qua-va-thach-thuc-tren-duong-phat-trien-254567.html> ngày 26/11/2017
9. Võ Hải, *11 người tự ứng cử lọt qua vòng cuối*, <https://vnexpress.net/tin-tuc/thoi-su/11-nguoi-tu-ung-cu-quoc-hoi-lot-qua-vong-cuoi-3393717.html>; 26/4/2016.
10. Phan Hoàng, *Thành phố tổng kết công tác bầu cử*, <http://tphcm.chinhphu.vn/thanh-pho-tong-ket-cong-tac-bau-cu>, 17/06/2016

11. Hà Minh Hồng (2016), *Chuyện về ngày bầu cử - Quốc hội khóa I (1946)*, tập 1, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, TPHCM
12. Nguyễn Hưng, *Bố trí ứng viên đại biểu Quốc hội còn chưa công bằng*, <https://vnexpress.net/tin-tuc/thoi-su/ong-le-truyen-bo-tri-ung-vien-dai-bieu-qh-con-chua-cong-bang-2190800.html>, 23/3/2011
13. Mai Hương, *TP.HCM hiệp thương lần 3 giới thiệu 36 người ứng cử đại biểu Quốc hội*, <https://tuoitre.vn/tphcm-hiep-thuong-lan-3-gioi-thieu-36-nguoi-ung-cu-dbqh-1085500.htm>, 16/4/2016
14. Hội đồng bầu cử quốc gia (2016), *Kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV, ban hành kèm theo Nghị quyết số 617/NQ – HĐBCQG ngày 08/6/2016*
15. Vũ Văn Nhiệm (2011); *Giáo trình Bầu cử trong nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh
16. Quốc hội (1946), *Hiến pháp năm 1946*
17. Quốc hội (1959), *Hiến pháp năm 1959*
18. Quốc hội (1980), *Hiến pháp năm 1980*
19. Quốc hội (1992), *Hiến pháp năm 1992*
20. Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*
21. Quốc hội (1959), *Luật bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1959*
22. Quốc hội (2003), *Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2003*
23. Quốc hội (2014), *Luật tổ chức Quốc hội năm 2014*
24. Quốc hội (2015), *Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015*
25. Quốc hội (2015), *Luật Mặt trận Tổ quốc năm 2015*
26. Quốc hội (2015), *Luật trưng cầu dân ý năm 2015*
27. Quốc hội (2015), *Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015*
28. Quốc hội (2017), *Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh*
29. Sở nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh (2011), *Hướng dẫn số 534/HD-SNV ngày 06 tháng 5 năm 2011 về việc tổ chức mạn đàm về tiêu sử những người ứng cử*

ĐBQH khóa XIII, đại biểu HĐND thành phố khóa VIII và đại biểu HĐND xã-thị trấn nhiệm kỳ 2011-2016

30. Ngọc Thành, *Chân dung hai người tự ứng cử được bầu làm Đại biểu Quốc hội khóa XIV*, <https://vov.vn/chinh-tri/quoc-hoi/chan-dung-hai-nguoi-tu-ung-cu-duoc-bau-lam-dai-bieu-quoc-hoi-khoa-xiv-518776.vov>, 09/6/2016

31. Nguyễn Văn Thuận (2017), *Đề cương chi tiết học phần chế độ bầu cử*, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội

32. *Từ điển*; from Greek demokratia "popular government," from demos "common people," kratos "rule, strength": <http://www.dictionary.com/browse/democracy>

33. Thông tấn xã Việt Nam; *Cả nước có 1313 người nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XII*, <https://thanhnien.vn/thoi-su/ca-nuoc-co-1313-nguoi-nop-ho-so-ung-cu-dai-bieu-quoc-hoi-khoa-xii-385933.html>, 18/3/2007

34. Thái Vĩnh Thắng (2001), *Một số ý kiến về đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan quyền lực nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (số 5), tr.157

35. Nguyễn Xuân Tùng, *Luật hội tự và một vài suy ngẫm về công tác cán bộ trong giai đoạn hiện nay*; <http://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=1419>, ngày 18/05/2011

36. Dương Thu, *Số lượng người tự ứng cử đại biểu Quốc hội tăng qua các nhiệm kỳ*, <https://baomoi.com/so-luong-tu-ung-cu-dai-bieu-quoc-hoi-gia-tang-qua-cac-nhiem-ky-quoc-hoi/c/18876662.epi>, 16/3/2016

37. Ủy ban bầu cử Thành phố Hồ Chí Minh (2011), *Báo cáo số 80/BC-UBBC về “Tổng kết công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XIII, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII và đại biểu Hội đồng nhân dân xã-thị trấn nhiệm kỳ 2011-2016 ngày 22 tháng 5 năm 2011”*

38. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh (2016), *Báo cáo tổng kết Công tác Mặt trận tham gia cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 – 2021*

39. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2016), *Nghị quyết số 1132/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 16 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 – 2021*

40. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2016), *Nghị quyết số 1134/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 17 tháng 01 năm 2016 quy định chi tiết, hướng dẫn về việc tổ chức hội nghị cử tri; việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung*

41. Ủy ban thường vụ Quốc hội - Chính phủ - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2016), *Nghị quyết liên tịch số 11/2016/NQLT-UBTVQH-CP-ĐCTUBTUMTTQVN ngày 01/02/2016 hướng dẫn quy trình hiệp thương giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.*

42. Văn phòng Quốc hội, *Đại biểu Quốc hội các khóa, khóa XII, khóa XIII và khóa XIV*; <http://dbqh.na.gov.vn/thong-tin-bau-cu/XII.aspx>

43. H.Vân; *Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hương bị bãi nhiệm tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà nội*; http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/To_chuc-Can_bo/843202/ba-nguyen-thi-nguyet-huong-bi-bai-nhiem-tu-cach-dai-bieu-hdnd-tp-ha-noi, ngày 03/8/2016

44. Nguyễn Như Ý (2007), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh